

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1585/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 170/BC-HĐTĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tại Tờ trình số 4569/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 6746/BKHĐT-QLQH ngày 18 tháng 8 năm 2023 về rà soát hồ sơ, tài liệu Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Lai Châu, quy mô 9.068,73 km² gồm 8 đơn vị hành chính: Thành phố Lai Châu, các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn và Mường Tè.

- Phía Bắc: Giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và tỉnh Lào Cai;
- Phía Nam: Giáp tỉnh Điện Biên;
- Phía Đông: Giáp tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái;
- Phía Tây: Giáp tỉnh Điện Biên và tỉnh Sơn La.

Tỉnh Lai Châu có tọa độ địa lý nằm trong khoảng từ 21°41' đến 22°49' vĩ độ Bắc và từ 102°19' đến 103°59' kinh độ Đông, thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của cả nước; các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng trung du và miền núi phía Bắc.

b) Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt; phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện nhiệm vụ chiến lược về quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn tỉnh; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Phát triển nền kinh tế tuần hoàn, đảm bảo hài hoà giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế, xã hội phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo

hướng tăng cường kết nối trong và ngoài tỉnh. Tăng cường liên kết trong phát triển với các địa phương, chủ động hội nhập quốc tế.

d) Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực; tập trung nguồn lực đầu tư có trọng điểm gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng trưởng theo chiều sâu, tạo ra động lực mới để phát triển “một trục, hai vùng, ba trụ cột”. Tập trung tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực để phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Thực hiện hiệu quả cải cách thể chế, tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn tỉnh.

đ) Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển bền vững. Xây dựng chính sách để khuyến khích, phát huy tinh thần cống hiến, hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc. Lấy đầu tư cho giáo dục và đào tạo làm nền tảng cho phát triển bền vững và vươn lên thoát nghèo, tiến tới làm giàu trong Nhân dân.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, nguồn lực bên trong và bên ngoài để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, xây dựng Lai Châu phát triển xanh, nhanh, bền vững và toàn diện trên tất cả các mặt kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, gia tăng đóng góp của ngành dịch vụ, tập trung phát triển kinh tế biên mậu và du lịch gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc; phát triển công nghiệp năng lượng, khai khoáng, chế biến, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng địa phương; nông nghiệp phát triển theo hướng đa giá trị, sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhất là hạ tầng liên kết vùng. Khoa học, công nghệ được ứng dụng hiệu quả, kinh tế số phát triển, chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội được phát triển toàn diện, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên, mở rộng hợp tác, hội nhập sâu rộng. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Đến năm 2030, phấn đấu đưa Lai Châu trở thành tỉnh phát triển trung bình của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 9% - 11% trong đó: Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng khoảng 5,0%/năm; ngành công nghiệp, xây dựng tăng khoảng 13,6%/năm; ngành dịch vụ tăng khoảng 7,9%/năm.

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 10,1%; ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 48,5%; ngành dịch vụ chiếm 33,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,0%.

+ Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 116,6 triệu đồng/người/năm (tương đương 4.266 USD theo giá hiện hành).

+ Huy động vốn đầu tư cho phát triển giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 168 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 6,5 tỷ USD (theo giá hiện hành).

+ Tăng năng suất lao động bình quân đạt 8,2%/năm.

+ Thu ngân sách trên địa bàn trên 4.500 tỷ đồng vào năm 2030.

+ Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân đạt 13%.

+ Khách du lịch năm 2030 đạt khoảng trên 2 triệu lượt người.

- Về xã hội:

+ Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 546 nghìn người. Tốc độ tăng dân số trung bình khoảng 1,4% - 1,5%/năm.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%.

+ Tỷ lệ người lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó lao động qua đào tạo, có bằng cấp chứng chỉ đạt 55%. Trung bình mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 9.700 lao động.

+ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 80%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 2% - 3%/năm.

+ Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt trên 40 giường và đạt trên 13 bác sĩ/vạn dân; 97,7% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

+ Tỷ lệ thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hoá đạt 88%; tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt trên 86%; tỷ lệ khu dân cư văn hóa đạt 78%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 98%.

+ Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 70% số xã, trong đó tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt 25%; có 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng đạt 56%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, chất thải rắn công nghiệp được thu gom, xử lý đạt 90%.

+ Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%.

- Về kết cấu hạ tầng:

+ Cứng hóa 100% đường huyện và trên 80% đường xã của tỉnh.

+ Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, 30% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn.

+ Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 98%.

+ Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang trên phạm vi toàn tỉnh. Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại di động thông minh, từng bước phát triển mạng 5G.

- Về quốc phòng, an ninh:

Tăng cường quản lý về quốc phòng, an ninh, chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ; thực hiện tốt phòng chống các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống. Xây dựng, củng cố, phát huy thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ biên giới và mốc giới quốc gia; tăng cường công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại biên phòng và đối ngoại nhân dân, giải quyết tốt các sự kiện biên giới.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Lai Châu là tỉnh phát triển xanh, bền vững, văn minh, giàu bản sắc văn hoá, phát triển toàn diện; kết cấu hạ tầng nông thôn được hiện đại hóa, đạt đầy đủ các tiêu chí của nông thôn mới. Bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Phấn đấu đưa Lai Châu trở thành tỉnh có kinh tế, xã hội trên mức trung bình của cả nước.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Nhóm nhiệm vụ “tăng cường các yếu tố thúc đẩy”, bao gồm:

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong tham mưu, ban hành các cơ chế, chính sách; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử.

+ Tạo bước đột phá về phát triển hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, đô thị, du lịch, hạ tầng thương mại cửa khẩu, hạ tầng khu - cụm công nghiệp.

+ Phát triển hạ tầng thông tin và tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực.

+ Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thông qua thu hút nhân tài và cải thiện chất lượng đào tạo nhân lực tại chỗ, khơi dậy khát vọng phát triển, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp.

- Nhóm nhiệm vụ “thực hiện tái cơ cấu kinh tế và các trụ cột phát triển”, bao gồm:

+ Tận dụng vị trí địa lý, phát triển thương mại, dịch vụ, kinh tế cửa khẩu; đẩy mạnh thương mại điện tử.

+ Phát triển du lịch theo hướng (i) bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn, khai thác tối đa nguồn lực và lợi thế hiện có để phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa; đồng thời, (ii) tập trung thu hút đầu tư, phát triển sản phẩm du lịch đa dạng và hiện đại có đủ điều kiện để phục vụ du lịch quy mô lớn, trong đó tập trung phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao và vui chơi có thưởng, du lịch mạo hiểm - khám phá, du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng.

+ Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp mà tỉnh có tiềm năng, lợi thế, nhất là thủy điện và công nghiệp chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản và khai thác, chế biến khoáng sản.

+ Đẩy mạnh cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là sản phẩm có ưu thế, sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Nhóm nhiệm vụ “tăng cường hiệu quả thực hiện”, bao gồm:

+ Huy động các nguồn lực, thu hút đầu tư nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển 02 vùng kinh tế trên địa bàn tỉnh.

+ Củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ biên giới vững chắc; mở rộng quan hệ đối ngoại, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, phát triển.

b) Các đột phá phát triển

- Về kết cấu hạ tầng: Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, để đảm bảo tính kết nối của tỉnh với các địa phương trong khu vực, cả nước và thị trường Vân Nam (Trung Quốc); thu hút đầu tư cảng hàng không Lai Châu. Phát triển hạ tầng du lịch, nông nghiệp, đô thị để thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin để hướng tới mục tiêu xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Về hoàn thiện thể chế: Đẩy mạnh hoàn thiện cơ chế, chính sách và cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo động lực phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, lợi thế như: du lịch, thủy điện, nông nghiệp đặc hữu, khoáng sản... Trong đó, tập trung vào việc nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách mang tính đặc thù, sáng tạo, làm gia tăng lợi thế cạnh tranh của địa phương.

- Về phát triển nguồn nhân lực: Thu hút và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hỗ trợ, đầu tư tăng tỷ lệ lao động chất lượng cao trong cơ cấu lao động; khơi dậy khát vọng cống hiến, vươn lên, phát huy giá trị văn hóa, con người Lai Châu.

- Về khoa học công nghệ: Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực; đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Ngành công nghiệp

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, theo cả chiều rộng và chiều sâu; tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh theo hướng chuyên sâu gồm: Công nghiệp sản xuất điện, chế biến nông lâm sản, công nghiệp khai thác và chế biến sâu khoáng sản (nhất là đất hiếm); duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao, tiếp tục là động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành công nghiệp bình quân đạt 14% - 15%/năm.

b) Ngành dịch vụ

Phát triển ngành dịch vụ đa dạng, hiện đại, bền vững trên cơ sở khai thác tối đa thế mạnh của tỉnh và theo kinh tế thị trường; chú trọng xây dựng, phát triển bền vững dịch vụ logistics thành một ngành dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao, gắn dịch vụ logistics với phát triển sản xuất hàng hóa, xuất nhập khẩu và thương mại nội địa; tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế biên mậu, phát huy vai trò là cửa ngõ thông thương giữa các nước ASEAN và Trung Quốc thông qua cửa khẩu quốc tế Ma Lò Thành; mở thêm một cửa khẩu song phương tại huyện Mường Tè. Tốc độ tăng của ngành dịch vụ từ 13% - 14%/năm, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng bình quân 13%/năm, giá trị đến năm 2030 đạt khoảng 230 triệu USD. Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lò Thành trở thành một động lực phát triển kinh tế của tỉnh Lai Châu.

Phát triển du lịch Lai Châu trở thành lĩnh vực quan trọng trong cơ cấu ngành dịch vụ của tỉnh, phát triển mạnh du lịch trekking leo núi, thể thao mạo hiểm, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc; ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch mới như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chăm sóc sức khỏe và vui chơi giải trí, vui chơi có thưởng,...; định hướng hình thành 05 khu/điểm du lịch cấp quốc gia và 27 khu du lịch cấp tỉnh.

c) Ngành nông, lâm nghiệp

Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất tích hợp đa giá trị, nông nghiệp hàng hóa tập trung, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị, nông nghiệp tuần hoàn, sản phẩm sạch, hữu cơ phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh; tập trung phát triển một số sản phẩm chủ lực: Mắc ca, chè, sâm Lai Châu, các sản phẩm OCOP đặc hữu... Các hoạt động nông nghiệp của tỉnh Lai Châu hướng tới phát thải các bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế rừng bền vững dựa trên nguyên tắc phát triển toàn diện và đồng bộ các hoạt động quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng, khai thác, chế biến, thương mại lâm sản, dịch vụ môi trường rừng gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng,...

gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân vùng có rừng và hưởng lợi từ rừng, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo an ninh quốc phòng và an ninh nguồn nước. Mức tăng trưởng GRDP của ngành đạt khoảng 5%/năm; đến năm 2030 có 3.500 ha lúa tập trung, gần 13.000 ha cây cao su; 35.000 ha cây mắc ca (trồng mới 31.000 ha); 10.000 ha chè (trồng mới 2.400 ha); 10.000 ha quế; 3.620 ha cây dược liệu; 500 ha hoa; trên 6.000 đàn ong;...

d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy mạnh nghiên cứu chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học; thực hiện nhanh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Xây dựng và phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu, các cụm liên kết ngành. Từng bước nâng tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Văn hóa, thể thao

Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; coi giá trị truyền thống văn hóa - lịch sử, giá trị văn hóa đặc sắc các dân tộc là nguồn lực quan trọng. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, là hạt nhân, tế bào lành mạnh của xã hội, tổ ấm của mỗi người dân Lai Châu. Tăng cường hội nhập quốc tế về văn hóa. Đến năm 2030 toàn tỉnh có trên 86% hộ gia đình, 78% thôn, bản, khu phố, 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa; 100% thôn, bản, khu phố xây dựng được hương ước, quy ước và được áp dụng vào cộng đồng; 45% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 65% phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; trên 94% thôn bản có đội văn hóa văn nghệ.

Ưu tiên đầu tư cho thể thao thành tích cao, từng bước đưa thể dục thể thao thành một loại hình dịch vụ. Tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Tăng cường hội nhập quốc tế về văn hóa. Phấn đấu đến năm 2030, số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 28% - 33%; số gia đình thể thao đạt 18% - 20%; số câu lạc bộ, tụ điểm, nhóm tập luyện thể dục thể thao cơ sở đạt 700 câu lạc bộ; số cán bộ hướng dẫn viên, cộng tác viên được bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ về thể dục thể thao đạt 100%.

b) Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Tiếp tục thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục cơ bản cho mọi đối tượng; tập trung đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho công dân Lai Châu đối với các lĩnh vực cần nguồn nhân lực hoặc thiếu hụt nguồn nhân lực; xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn, tâm huyết, trách nhiệm cao. Giữ vững và nâng cao chất lượng đạt

chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn.

Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 80%; 100% giáo viên đạt chuẩn và vượt chuẩn. Thực hiện chuyển đổi 20% tổng số trường của toàn ngành sang mô hình trường học thông minh.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề theo hướng đảm bảo về chất lượng, hợp lý về quy mô, cơ cấu, trình độ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm; huy động nguồn lực, đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp học.

Xã hội hóa giáo dục, ưu tiên bố trí quỹ đất để kêu gọi xã hội hóa phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh. Phát triển hệ thống các trường ngoài công lập ở cấp mầm non và tiểu học, phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương.

c) Y tế, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân

Phát triển hệ thống y tế tỉnh Lai Châu theo hướng hiện đại và bền vững, đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu; gắn y tế chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập, kết hợp hài hòa giữa phòng bệnh với khám chữa bệnh - phục hồi chức năng, kết hợp hài hòa giữa y học cổ truyền với y học hiện đại nhằm phục vụ hiệu quả chăm sóc sức khỏe Nhân dân; nâng cao chất lượng dân số.

Củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống các bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế cấp xã. Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, có đủ năng lực dự báo và kiểm soát bệnh tật, đảm bảo tiếp cận cho mọi người dân. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực y tế về số lượng và chất lượng. Phát triển hệ thống y tế ngoài công lập trên cơ sở phát huy nội lực, lợi thế và phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực lân cận.

Phấn đấu đạt trên 40 giường bệnh/vạn dân, trên 13 bác sĩ/vạn dân, 33 điều dưỡng/vạn dân, 100% trạm y tế xã/phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe.

d) An sinh xã hội

Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, giảm tỷ lệ tái nghèo, nhất là các xã biên giới và vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản.

đ) Quốc phòng, an ninh

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh Lai Châu vững mạnh, toàn diện, có khả năng sẵn sàng chiến đấu cao; không dễ bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống; bảo đảm giữ vững chủ quyền, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

Tỉnh Lai Châu phát triển theo trọng tâm “một trục - hai vùng - ba trụ cột”, cụ thể như sau:

- Một trục: Trục trọng yếu phát triển kinh tế hình thành dọc theo các QL.32 - QL.4D - QL.12 nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai qua QL.279, kết nối huyện Than Uyên - huyện Tân Uyên - huyện Tam Đường - thành phố Lai Châu - huyện Phong Thổ ra cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng.

- Hai vùng kinh tế của tỉnh, gồm:

+ Vùng kinh tế động lực (gồm các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Phong Thổ và thành phố Lai Châu): Tập trung phát triển du lịch sinh thái, mạo hiểm, văn hóa cộng đồng; sản xuất điện, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông sản, chế biến đất hiếm; phát triển đô thị, kinh tế biên mậu.

+ Vùng kinh tế nông - lâm sinh thái sông Đà (gồm các huyện biên giới Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè): Bảo vệ phát triển rừng, trồng quế, mắc ca, cao su, cây gỗ lớn, phát triển dược liệu dưới tán rừng (ưu tiên phát triển sâm Lai Châu), dịch vụ môi trường rừng và các sản phẩm đặc hữu.

- Ba trụ cột phát triển kinh tế, gồm: (i) dịch vụ, tập trung vào du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa và kinh tế biên mậu; (ii) công nghiệp, tập trung vào công nghiệp năng lượng, công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông lâm thủy sản; (iii) nông nghiệp, tập trung vào phát triển nông nghiệp đa giá trị, nông nghiệp hữu cơ gắn với chuỗi giá trị, dựa vào các sản phẩm nông, lâm sản có lợi thế, có giá trị gia tăng cao.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Đến năm 2025: Thực hiện sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Đến năm 2030: Thực hiện sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành

chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đó được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị.

Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện theo Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Lai Châu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc xác định phạm vi, ranh giới địa lý cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

a) Định hướng mô hình phát triển hệ thống đô thị

Thúc đẩy quá trình đô thị hóa nhanh, hiệu quả, có chất lượng cao, phát triển hệ thống đô thị tỉnh Lai Châu theo mô hình xanh, thông minh và bền vững; có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hiện đại, có môi trường và chất lượng đô thị tốt, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đô thị tỉnh Lai Châu phát triển theo mô hình chuỗi và đô thị vệ tinh, vừa là trung tâm hành chính - chính trị vừa là vệ tinh phát triển kinh tế - xã hội. Hình thành chuỗi đô thị theo trục dọc vùng động lực gồm đô thị Than Uyên - Phúc Than (huyện Than Uyên) - Tân Uyên - Tam Đường - thành phố Lai Châu - Phong Thổ - Ma Lò Thành (huyện Phong Thổ), các đô thị Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè và Nậm Tăm (huyện Sìn Hồ) là các đô thị vệ tinh. Trong đó thành phố Lai Châu là đô thị trung tâm, có vai trò vừa là trung tâm hành chính - chính trị của tỉnh vừa là trung tâm dịch vụ, thương mại, logistics, du lịch, trung tâm khoa học - đào tạo của tỉnh. Các đô thị còn lại là trung tâm văn hóa, kinh tế, là hạt nhân thúc đẩy đô thị hóa của vùng huyện.

b) Hệ thống đô thị tỉnh đến năm 2030

- Đến năm 2030, toàn tỉnh Lai Châu có 11 đô thị, bao gồm: 01 đô thị loại III (thành phố Lai Châu), 05 đô thị loại IV là các thị trấn: Tân Uyên, Than Uyên, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tam Đường; 05 đô thị loại V bao gồm: Thị trấn Mường Tè, thị trấn Nậm Nhùn, đô thị Nậm Tăm (huyện Sìn Hồ), đô thị Ma Lò Thành (huyện Phong Thổ), đô thị Phúc Than (huyện Than Uyên).

- Hình thành chuỗi đô thị động lực: Thị trấn Phong Thổ và Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng - thành phố Lai Châu - thị trấn Tam Đường - thị trấn Tân Uyên - thị trấn Than Uyên.

- Hệ thống chuỗi đô thị Lai Châu phát triển phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Lai Châu gồm đô thị trung tâm hành chính - chính trị và các đô thị vệ tinh, được liên kết bằng hệ thống giao thông vành đai kết hợp các trục dọc, trục ngang có mối liên kết với mạng lưới giao thông vùng trung du miền núi phía Bắc.

- Quy hoạch 02 khu đô thị - dịch vụ gắn với khu vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng, thể thao mạo hiểm tại huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu. Quy hoạch các khu đô thị - nhà ở đô thị còn lại gắn với quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch.

c) Định hướng phát triển tỉnh lỵ

Đô thị thành phố Lai Châu là trung tâm hành chính chính trị, trung tâm tổng hợp về kinh tế thương mại du lịch, đào tạo, y tế, văn hoá xã hội của tỉnh. Là đô thị có vị trí quốc phòng - an ninh của tỉnh và vùng Tây Bắc; là đô thị hạt nhân có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh Lai Châu nói riêng và vùng Tây Bắc nói chung; là điểm trung gian kết nối giữa tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với các đô thị Việt Nam qua cửa khẩu Ma Lù Thàng. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đến năm 2030 đầu tư xây dựng đạt một số tiêu chí đô thị loại II.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Thực hiện quy hoạch, bố trí ổn định dân cư ở vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, không đảm bảo điều kiện sống ổn định và phát triển lâu dài. Ổn định dân di cư tự do, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, hỗ trợ người dân tiếp cận đầy đủ với các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh.

- Sắp xếp, ổn định dân cư gắn với thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Phát triển khu dân cư nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và nâng cao điều kiện sống người dân nông thôn gắn với điều kiện sống người dân đô thị. Hình thành các điểm dân cư theo mô hình phát triển nông thôn mới phù hợp với phong tục, tập quán và văn hoá truyền thống các dân tộc.

- Mở rộng phát triển các điểm dân cư nông thôn tập trung có kết cấu hạ tầng nông thôn mới đồng bộ. Phát triển các khu dân cư nông thôn phi nông nghiệp, khu dân cư dịch vụ - thương mại nông thôn phục vụ chuyển đổi cơ cấu ngành nghề.

- Quy hoạch đất khu vực nông thôn cho việc thực hiện sắp xếp dân cư, xây dựng khu dân cư nông thôn; thực hiện các dự án, phương án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới và ổn định dân di cư tự do.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

- Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng trở thành khu kinh tế cửa khẩu đa ngành, đa lĩnh vực, là một trong những trung tâm kinh tế về thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp của khu vực các tỉnh miền núi phía Tây Bắc; có khả năng gắn kết được với các địa phương khác để tạo thành tuyến dịch vụ thương mại - du lịch động lực của toàn vùng trung du miền núi phía Bắc, đồng thời là một trong những trung tâm giao thương của Việt Nam và khu vực ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc; trở thành điểm đột phá về kinh tế của tỉnh Lai Châu và các tỉnh miền núi phía Tây Bắc.

- Phát triển không gian sản xuất công nghiệp gắn với không gian phát triển đô thị, hình thành một số khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ. Phát triển các ngành nghề thủ công, phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh; phát triển làng nghề, mở rộng các mặt hàng theo hướng sản xuất hàng hóa. Khuyến khích phát triển khu công nghiệp sinh thái.

Đến năm 2030, tỉnh Lai Châu tập trung phát triển 01 khu kinh tế, 01 khu công nghiệp và 04 cụm công nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục II và III kèm theo)

2. Phương án phát triển khu du lịch

Phát triển 05 khu du lịch định hướng trở thành khu du lịch cấp quốc gia có tính độc đáo, hấp dẫn, có tiềm năng thu hút khách đối với khu vực, cả nước và quốc tế; 27 khu du lịch định hướng trở thành khu du lịch cấp tỉnh nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng giá trị trải nghiệm của du khách, từng bước thu hút thị trường khách du lịch lớn chuyển dịch từ các thị trường du lịch lân cận sang Lai Châu. Trên cơ sở liên kết về tài nguyên du lịch nổi bật và hệ thống giao thông kết nối, hình thành 03 cụm du lịch gồm: Cụm du lịch cao nguyên Sìn Hồ (báu vật Tây Bắc), cụm du lịch Tam Đường - Phong Thổ và thành phố Lai Châu (khám phá vẻ đẹp Tây Bắc), cụm du lịch Mường Tè - Nậm Nhùn (về nguồn sông Đà).

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

3. Phương án phát triển khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Xây dựng, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa và khu danh thắng quốc gia như: Pusamcap tại xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu; địa điểm lưu niệm vua Lê Thái Tổ tại xã Lê Lợi, xã Pú Dao, huyện Nậm Nhùn; hang Tiên

Sơn tại xã Bình Lư, huyện Tam Đường; thác Cầu Mây và Công Trời thuộc khu vực đèo Hoàng Liên tại xã Sơn Bình, huyện Tam Đường; di tích khảo cổ học Nậm Tun tại xã Mường So, huyện Phong Thổ.

Thực hiện phương án bảo tồn, tôn tạo phát huy các di tích lịch sử văn hóa và đề nghị công nhận 01 di tích quốc gia đặc biệt (địa điểm lưu niệm Vua Lê Thái Tổ tại xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn).

Quy hoạch bảo tồn không gian văn hóa các dân tộc phục vụ phát triển du lịch như: Khu bảo tồn văn hóa các dân tộc huyện Than Uyên tại xã Mường Cang; nhà bảo tồn văn hóa dân tộc Lự tại bản Pậu, xã Nậm Tăm và khu vực bảo tồn văn hóa bản sắc dân tộc Si La tại xã Can Hồ huyện Mường Tè; tổ hợp du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa dân tộc Mông, bảo tồn chè cổ thụ và nuôi cá nước lạnh (bản Hô Tra, xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên).

Quy hoạch không gian bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, tri thức dân gian: Đề nghị công nhận di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật múa xòe dân tộc Hà Nhì; tri thức dân gian về ẩm thực truyền thống dân tộc Thái; tri thức dân gian về y, dược học dân tộc Dao và các di sản khác khi có đủ điều kiện.

4. Phương án phát triển khu dịch vụ tổng hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao, sân gôn

Quy hoạch các khu chức năng tổng hợp sân gôn và nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, trong đó có 03 sân gôn.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

5. Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo

Phát triển 02 khu nghiên cứu và sản xuất con giống thủy sản tại huyện Tam Đường và tại thành phố Lai Châu; 04 khu nghiên cứu và sản xuất con giống gia cầm tại các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường và thành phố Lai Châu; 03 khu nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng tại các huyện Mường Tè, Tam Đường và Sìn Hồ. Thành lập Trung tâm hỗ trợ nông nghiệp tại Sở Khoa học và Công nghệ có chức năng làm đầu mối hỗ trợ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu, đánh giá thị trường, hỗ trợ tìm kiếm đầu ra của các sản phẩm.

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho Trường Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu để thực hiện đào tạo ngành nghề trọng điểm cấp quốc gia và các ngành nghề thiết yếu.

6. Phương án phát triển khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lai Châu gồm: Khu bảo tồn Mường Tè khoảng 33.775 ha và Vườn quốc gia Hoàng Liên khoảng 7.500 ha. Tiếp tục duy trì, bảo vệ 02 khu rừng đặc dụng hiện có và 04 vùng đất ngập nước quan trọng.

7. Phương án xác định khu quân sự, an ninh

Khu vực quốc phòng: Đến năm 2030 có tổng cộng 118 điểm đất sử dụng cho mục đích quốc phòng (tăng 51 điểm). Khu vực an ninh: Đến năm 2030, quy hoạch 159 vị trí đất với tổng diện tích là 126 ha.

Bố trí đất để quy hoạch hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, các điểm dừng đỗ phương tiện giao thông tại khu vực tập trung đông dân cư, chợ, trường học,... Hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ an ninh quốc phòng, tập trung xây dựng trụ sở Công an các xã, phường, thị trấn, các đồn, trạm, tổ công tác biên phòng; hoàn thiện hạ tầng phòng cháy chữa cháy.

8. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Vùng cây trồng hàng hóa tập trung: Vùng lúa tại các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường và thành phố Lai Châu; vùng mắc ca tại các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè và thành phố Lai Châu; vùng chè tại các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, thành phố Lai Châu; vùng quế tại các huyện: Than Uyên, Tân Uyên, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè; vùng cây cao su tại các huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè, Than Uyên; vùng mía tại các huyện Tam Đường, Sìn Hồ, Phong Thổ; vùng trồng hoa, cây ăn quả và vùng trồng dược liệu tại các địa bàn phù hợp.

- Vùng chăn nuôi tập trung: Vùng chăn nuôi đại gia súc tại các huyện Tân Uyên, Than Uyên, Nậm Nhùn, Phong Thổ, Tam Đường và thành phố Lai Châu; vùng chăn nuôi lợn tại các huyện, thành phố; vùng chăn nuôi dê tại các huyện Sìn Hồ, Phong Thổ, Than Uyên, Tân Uyên; vùng chăn nuôi ngựa tại các huyện Tam Đường, Sìn Hồ, Phong Thổ, thành phố Lai Châu; vùng nuôi ong tại các huyện Tân Uyên, Than Uyên, Tam Đường, Mường Tè, thành phố Lai Châu; vùng nuôi trồng thủy sản tại các lòng hồ thủy điện lớn; vùng nuôi cá nước lạnh tại các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ.

- Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo trục Than Uyên - Tân Uyên - Tam Đường - Phong Thổ - Cửa khẩu Ma Lù Thàng.

9. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Đến năm 2025 toàn tỉnh còn 54 xã đặc biệt khó khăn và 01 xã khó khăn; phấn đấu đến năm 2030 không còn xã khó khăn và đặc biệt khó khăn, 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, nông nghiệp tích hợp đa giá trị; phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với chế biến và tiêu thụ theo chuỗi; phát triển kinh tế rừng bền vững.

- Ưu tiên thực hiện các chương trình, đề án để hỗ trợ người dân ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn được tham gia các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng và có khả năng tham gia phát triển sản xuất công nghiệp có lợi thế trên địa bàn.

Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, nghỉ dưỡng.

- Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế, gắn với phát triển du lịch bền vững. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo, mở rộng dạy và học ngôn ngữ dân tộc thiểu số, xóa mù chữ, hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi nghề đối với người lao động ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn. Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, dân số có chất lượng, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tập trung đầu tư hạ tầng giao thông kết nối các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn với khu vực phát triển kinh tế năng động, vùng động lực phát triển kinh tế. Đầu tư xây dựng giao thông nội vùng, xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu như điện, trường lớp, y tế, viễn thông phục vụ sản xuất và dân sinh; đầu tư hỗ trợ các dự án xếp ổn định dân cư.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

a) Đường bộ

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia: Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giao thông quốc gia trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch theo quy định. Tập trung đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai đạt cấp III; đầu tư cao tốc Bảo Hà (Lào Cai) - Lai Châu (Cửa khẩu Ma Lù Thàng); đầu tư, nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ: 4D, 12, 32, 279, 279D, 4H, 4H3.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh: Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông: Đường tỉnh 136, 135, 134, 133, 132, 130 (bao gồm cả QL.100 chuyển thành đường tỉnh), 129B, 129, 128, 127; đường Thèn Sin - Sin Suối Hồ (dự kiến ĐT.131), đường Khun Há - Phúc Khoa - Mường Khoa (nối vào ĐT.136), đường Pa Tần - Huổi Luông (dự kiến ĐT.129C), đường Khổng Lào - khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng, đường Nậm Sỏ - Tà Mít (dự kiến ĐT.133B), đường Tây sông Đà (Nậm Khao - Tà Tổng - Cao Chải - Nậm Ngà - Táng Ngá - Nậm Cha - Huổi Linh - Nậm Nhùn) (dự kiến ĐT.126), đường nối Cao Chải - Mường Toong (Mường Nhé, Điện Biên) (dự kiến ĐT.126B), đường nối Nậm Chà - Nậm Pồ (Điện Biên) (dự kiến ĐT.126C), đường nối Huổi Mẩn - Chà Cang (Nậm Pồ, Điện Biên) (dự kiến ĐT.126D), đường Noong Hẻo - Nậm Hăn nối Tủa Chùa, Quỳnh Nhai (dự kiến ĐT.137), đường Nậm Nhùn - cầu Pá Bon, đường nối Mường Tè - Nậm Nhùn; các công trình cầu, hầm: cầu Nậm Lăn - mốc 17, cầu Nậm Chà - Huổi Lĩnh, cầu Nậm Pi, cầu Pá Bon, cầu đa năng cửa khẩu Ma Lù Thàng, cầu Pá Ngừa (thay thế phà Pá Ngừa ĐT.134), hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, hầm đường bộ

qua đèo Khau Co...; các tuyến đường đô thị, đường liên tỉnh, liên huyện, liên xã, giao thông nông thôn khác và các cầu trung, cầu nhỏ trên địa bàn tỉnh.

b) Đường thủy nội địa

- Duy trì và khai thác hiệu quả các tuyến và cảng, bến thủy nội địa thuộc tuyến đường thủy nội địa do trung ương quản lý trên sông Đà nhằm tăng năng lực phục vụ vận tải, luân chuyển hàng hóa, hành khách và phát triển du lịch của tỉnh Lai Châu và các địa phương trên tuyến, gồm: Tuyến vùng hồ thủy điện Sơn La, hồ thủy điện Lai Châu với chiều dài khoảng 175 km, quy mô cấp III.

- Cảng thủy nội địa: 02 cảng hàng hóa trên vùng hồ thủy điện Sơn La, Lai Châu. Đầu tư xây dựng tối thiểu 28 bến cảng trên các vùng lòng hồ Lai Châu - sông Đà (07 bến), Sơn La - sông Đà (08 bến), Bản Chát - sông Nậm Mu (06 bến), Huội Quảng - sông Nậm Mu (07 bến) để phục vụ vận tải, dân sinh và du lịch.

c) Cảng hàng không, sân bay:

Thu hút đầu tư cảng hàng không Lai Châu tại huyện Tân Uyên ở cấp tối thiểu 3C.

d) Công trình giao thông khác

- Bến xe: Xây dựng bến xe đạt tối thiểu cấp IV tại các huyện Phong Thổ, Tân Uyên và đầu tư xây dựng bến xe buýt tại thành phố Lai Châu.

- Bãi đỗ: Xây dựng bãi đỗ xe tải tại khu vực thị trấn Phong Thổ, khu vực Đông Nam thành phố Lai Châu, kiêm chức năng dự phòng cho bãi đỗ cửa khẩu Ma Lò Thàng.

- Trung tâm logistics: Bố trí quy hoạch cảng cạn tại khu vực khu kinh tế cửa khẩu Ma Lò Thàng, kết nối với tuyến QL.12 và sau này là tuyến cao tốc Bảo Hà - Lai Châu với quy mô khoảng 10 ha đảm nhận chức năng cảng cạn, hệ thống kho bãi và các dịch vụ cửa khẩu. Đầu tư xây dựng 02 trạm trung chuyển hàng hoá và kho vận tại 02 huyện Than Uyên và Phong Thổ.

- Trạm dừng nghỉ: Đầu tư xây dựng các trạm dừng nghỉ dọc theo các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ để cung cấp các dịch vụ hành khách và phương tiện tham gia giao thông.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

2. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

a) Nguồn phát điện

Phát triển nguồn cung cấp điện sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện một cách tối đa, có hiệu quả và có độ dự phòng nằm trong quy định, có khả năng hỗ trợ cho lưới điện khu vực, đảm bảo huy động đủ công suất cấp điện cho phụ tải trong trường hợp sự cố và luôn đảm bảo cấp điện cho lưới điện của tỉnh từ ít nhất 02 nguồn khác nhau.

Duy trì các nguồn phát điện hiện có, thực hiện đúng tiến độ các dự án thủy điện đã được phê duyệt quy hoạch; nghiên cứu, triển khai thực hiện các dự án tiềm năng: Thủy điện (tổng công suất khoảng 757 MW), điện gió (tổng công suất khoảng 555 MW), thủy điện tích năng (tổng công suất khoảng 1.700 MW), điện mặt trời (tổng công suất khoảng 550 MW).

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

b) Hệ thống lưới điện truyền tải

Đầu tư hệ thống lưới điện truyền tải, phân phối đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định cho các hộ sử dụng điện trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu phụ tải tiêu thụ cực đại toàn tỉnh $P_{max} = 250$ MW, điện thương phẩm 1.616 triệu kWh, đảm bảo truyền tải hết công suất của các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời lên lưới điện quốc gia.

- *Lưới 500kV, 220kV*

+ Lưới 500 kV: Xây dựng mới trạm biến áp 500 kV thủy điện tích năng Mường Tè; cải tạo, nâng cấp trạm biến áp 500 kV Lai Châu; xây dựng mới khoảng 312 km đường dây 500 kV.

+ Lưới 220 kV: Xây dựng mới 09 trạm biến áp 220 kV; cải tạo, nâng cấp 02 trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới khoảng 495 km đường dây 220kV.

- *Lưới 110 kV*

Xây dựng mới 05 trạm biến áp cung cấp điện và các trạm biến áp đầu nối điện gió, thủy điện nhỏ; xây dựng mới tuyến đường dây 110 kV với chiều dài khoảng 830 km (trong đó đường dây cung cấp điện là 147 km; đầu nối nguồn điện lên lưới là 683 km).

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông

Đến năm 2030, tỉnh Lai Châu cơ bản hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số trên cả ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh và cơ bản hoàn thành trên các lĩnh vực ưu tiên; sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhất nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh, với mục đích đi trước đón đầu, tận dụng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để thu hẹp khoảng cách phát triển, giảm nghèo nhanh.

Phát triển mạng vận chuyển bưu chính công cộng từ trung tâm tỉnh đến các xã đảm bảo chất lượng phục vụ trong ngày đạt 100% số xã; xây dựng hạ tầng mạng thông tin di động 4G, 5G phủ sóng 100% khu dân cư, các khu vực biên giới; phát triển hạ tầng mạng cáp quang băng rộng đến 100% khu/tổ/bản; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 70%; tỷ lệ dân số sử dụng điện thoại thông

minh đạt 90%; phần đầu kinh tế số chiếm 20% GRDP; phần đầu 50% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng chuyên đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh.

Chuyển đổi số hạ tầng các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, truyền thông đa phương tiện.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Tập trung đầu tư mới các công trình thủy lợi đồng thời với sửa chữa, nâng cấp các công trình hồ, đập và thủy lợi đã xuống cấp, hư hỏng nặng; chú trọng xây dựng các công trình hồ, đập treo nhỏ ở vùng cao, nơi khó khăn về nguồn nước phục vụ phát triển nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt; phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước nhằm đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho các diện tích trồng lúa, nuôi trồng thủy sản, thâm canh tăng vụ và các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Duy trì hoạt động 432 hồ, đập hiện có; cải tạo, nâng cấp 587 công trình thủy lợi; xây mới 04 hồ chứa, 07 công trình thủy lợi, 65 đập tưới dưới 40 ha và các hồ treo trên địa bàn các huyện, thành phố; phần đầu tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương đến năm 2030 đạt 88%.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

b) Phương án cấp nước cho các khu vực

- Cấp nước đô thị và công nghiệp: Nâng cấp và xây mới các nhà máy cấp nước; hoàn thiện đầu tư các hạ tầng cấp nước khác như trạm bơm, các tuyến ống cấp nước từ trạm bơm đường ống dẫn chuyển nước. Đảm bảo cấp nước sạch cho các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các thị tứ; 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

- Cấp nước nông thôn: Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn; nâng cao chất lượng nước sinh hoạt nông thôn, phần đầu 30% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, trong đó 20% từ công trình cấp nước tập trung.

c) Phương án thoát nước

- Đảm bảo không có điểm ngập úng cục bộ tại khu vực thị trấn, các trung tâm xã, các khu đông dân cư.

- Khu vực nông thôn: Thoát nước theo địa hình thực tế của khu dân cư, thoát ra hệ thống kênh, mương, ao, hồ của địa phương.

- Khu vực đô thị: Nước được chia thành các lưu vực thoát, bảo đảm thoát nhanh và triệt để; 100% đô thị có hệ thống thu gom xử lý nước thải; xây dựng các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại thành phố Lai Châu và khu vực trung tâm các huyện.

d) Phương án phân vùng cấp nước

Gồm 05 vùng sau:

- Vùng I: Phần lưu vực sông Đà, bao gồm một phần diện tích thuộc huyện Mường Tè.

- Vùng II: Phần lưu vực sông Đà, gồm một phần diện tích thuộc huyện Mường Tè và huyện Nậm Nhùn.

- Vùng III: Lưu vực sông Nậm Na, bao gồm một phần diện tích thuộc các địa bàn như thành phố Lai Châu, các huyện Tam Đường, Sìn Hồ, Phong Thổ và Nậm Nhùn.

- Vùng IV: Lưu vực sông Nậm Mạ, gồm một phần diện tích huyện Sìn Hồ.

- Vùng V: Lưu vực sông Nậm Mu, gồm một phần diện tích thuộc thành phố Lai Châu, các huyện Tam Đường, Sìn Hồ, Than Uyên và Tân Uyên.

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Khu xử lý chất thải

Các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh được phân bố hợp lý, đảm bảo phục vụ nhu cầu xử lý chất thải ở các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh. Thay thế dần hình thức chôn lấp bằng công nghệ hiện đại, phù hợp nhằm đảm bảo xử lý triệt để chất thải thông thường, chất thải nguy hại, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

Quy hoạch mở rộng 08 khu xử lý chất thải rắn đô thị hiện có tại 08 huyện, thành phố trong toàn tỉnh, trong đó 01 khu xử lý liên vùng trong nội tỉnh của thành phố Lai Châu rộng 15 - 20 ha.

Quy hoạch, đầu tư các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại các khu vực nông thôn theo xã hoặc cụm xã.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

b) Nghĩa trang

- Nghĩa trang đô thị: Dự kiến quy hoạch nghĩa trang quy mô liên huyện tại huyện Sìn Hồ (phục vụ cho toàn tỉnh) và xem xét bố trí thiết kế xây dựng đồng bộ cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ. Mỗi đô thị sẽ hình thành một nghĩa trang tập trung. Thực hiện đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ hiện tại trong nội thị thành phố Lai Châu, chuyển toàn bộ ra nghĩa trang chung của thành phố.

- Nghĩa trang nông thôn: Thực hiện theo chương trình nông thôn mới, mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 01 nghĩa trang tập trung tuân thủ theo quy hoạch xây dựng nông thôn đã được phê duyệt; mỗi thị trấn huyện lỵ dự kiến quy hoạch nghĩa trang tập trung riêng (nếu hai hoặc nhiều đô thị gần nhau thì sử dụng chung một nghĩa trang). Sử dụng hình thức mai táng phù hợp (hung táng, cát táng), khuyến khích chuyển đổi sang công nghệ táng hiện đại, đảm bảo vệ sinh môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

Bố trí 08 điểm đất phục vụ xây dựng trụ sở, doanh trại cảnh sát phòng cháy chữa cháy tại các khu đô thị, khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng và các khu dân cư có nguy cơ cháy nổ cao. Thành lập mới, đầu tư cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết cho 03 đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực tại các huyện Than Uyên, Mường Tè và Phong Thổ. Đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông, liên lạc, cấp nước phục vụ hoạt động của các trạm, các đội phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế, đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh và tuyến cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập góp phần đa dạng hóa dịch vụ y tế.

Đến năm 2030, hệ thống cơ sở y tế công lập tỉnh Lai Châu có 05 bệnh viện tuyến tỉnh, 04 phòng khám đa khoa khu vực, 08 trung tâm y tế huyện, 106 trạm y tế cấp xã và các đơn vị y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số, kiểm nghiệm, pháp y. Hệ thống cơ sở y tế ngoài công lập có quy mô khoảng 100 giường bệnh. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng 02 cơ sở y tế của ngành Công an gồm: Bệnh xá Công an tỉnh (di chuyển, nâng số giường bệnh từ 15 lên 50 giường bệnh); nâng cấp, cải tạo Nhà y tế trại tạm giam để đủ điều kiện công nhận bệnh xá và được giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh (dự kiến 05 giường).

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo

Rà soát, sắp xếp, đầu tư các cơ sở giáo dục phổ thông, mầm non các cấp đáp ứng tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn theo quy định và phục vụ nhu cầu của địa phương. Khuyến khích, thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục đào tạo ngoài công lập. Đến năm 2030, toàn tỉnh Lai Châu có: 134 trường mầm non, 79 trường tiểu học, 111 trường trung học cơ sở và phổ thông cơ sở, 24 trường trung học phổ thông.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội

Rà soát, sắp xếp, đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội đáp ứng tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn theo quy định. Đến năm 2030, trên toàn tỉnh có:

- 12 cơ sở giáo dục chuyên nghiệp (08 cơ sở công lập, 04 cơ sở ngoài công lập); cụ thể: Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên mỗi huyện 01 cơ sở; riêng thành phố Lai Châu và huyện Tam Đường, mỗi địa phương có 01 cơ sở công lập và 02 cơ sở ngoài công lập đầu tư mới.

- 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tại thành phố Lai Châu.

- 07 cơ sở an sinh xã hội (gồm: 03 cơ sở bảo trợ xã hội, 02 cơ sở cai nghiện ma túy, 01 Trung tâm dịch vụ việc làm và 01 Trung tâm đón tiếp thân nhân liệt sỹ và điều dưỡng Người có công với cách mạng).

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Duy trì các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh hiện có. Thực hiện đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện, cấp xã, cấp thôn bản; đầu tư các trung tâm văn hóa, thể thao, các cung văn hóa thiếu nhi cấp huyện.

Ưu tiên đầu tư Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Lai Châu; nâng cấp các sân vận động đã có ở các huyện và các thiết chế văn hóa, thể thao khác trong toàn tỉnh kết hợp xã hội hóa và gắn kết với phát triển du lịch Lai Châu. Đảm bảo đạt 3m² đất chức năng thể dục thể thao/người dân; 100% các huyện, thành phố có nhà tập luyện thể dục thể thao.

Đến năm 2030 toàn tỉnh có 47 di tích, trong đó có 01 di tích quốc gia đặc biệt, 05 di tích cấp quốc gia, 41 di tích cấp tỉnh. Xây dựng mới 05 thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh, 02 tượng đài và tranh hoành tráng.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, triển lãm

- Mạng lưới chợ và siêu thị: Trên địa bàn tỉnh có ít nhất 49 chợ, 13 siêu thị.

- Mạng lưới trung tâm thương mại, trung bày, hội chợ/triển lãm: Tiếp tục hoàn thiện đầu tư xây dựng 02 trung tâm thương mại tại thành phố Lai Châu; xây mới 01 trung tâm thương mại tại huyện Phong Thổ, 01 trung tâm thương mại và cửa hàng miễn thuế trong khu cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng; phát triển 01 trung tâm mua bán và trung bày, giới thiệu sản phẩm tại thị trấn huyện Sìn Hồ.

- Đầu tư xây dựng kho ngoại quan tại Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng; 02 trạm trung chuyển hàng hoá và kho vận tại các huyện Than Uyên và Phong Thổ phục vụ các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển mạng lưới xăng dầu: Cải tạo, nâng cấp các cửa hàng xăng dầu hiện có, đầu tư mới các cửa hàng xăng dầu theo quy định. Đến năm 2030, toàn tỉnh có ít nhất 70 cửa hàng bán lẻ xăng dầu, trong đó đầu tư xây mới ít nhất 10 cửa hàng; đầu tư xây dựng kho dự trữ xăng dầu Tam Đường.

- Phát triển kinh tế biên mậu tại Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng và cửa khẩu U Ma Tu Khoàng, cửa khẩu Sông Đà - Sông Lý Tiên; phát triển chợ phiên thuộc các xã biên giới; ưu tiên phát triển các khu (điểm) chợ có khả năng phát triển thành các cặp chợ phiên thuộc các xã biên giới như: Pô Tô (Việt Nam) - Cửa Cải (Trung Quốc), Sì Choang (Việt Nam) - Dền Suối Thàng (Trung Quốc), Sông Đà (Việt Nam) - Sông Lý Tiên (Trung Quốc), Gia Khâu (Việt Nam) - Seo Cô San (Trung Quốc).

6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đảm bảo thực hiện các chức năng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ. Nghiên cứu, xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, các cơ sở nghiên cứu và phát triển, khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất

Đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên là 906.873 ha, trong đó: Đất nông nghiệp khoảng 692.936 ha, tăng 58.155 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 50.497 ha, tăng 14.866 ha; đất chưa sử dụng khoảng 163.440 ha, giảm 73.022 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

2. Phương án thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

- Tổng diện tích các loại đất cần thu hồi trong kỳ quy hoạch là khoảng 12.547 ha; trong đó thu hồi đất nông nghiệp với tổng diện tích 9.943 ha; thu hồi đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 2.604 ha để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch: Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 11.114 ha; chuyển đổi trong nội bộ đất nông nghiệp là 2.450 ha; đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: 96 ha.

- Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch là 73.022 ha; trong đó: Đất nông nghiệp: 69.168 ha; đất phi nông nghiệp: 3.854 ha.

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch phát triển vùng liên huyện

a) Vùng liên huyện 1 - Vùng liên huyện dọc QL.32 - QL.4D bao gồm toàn bộ địa bàn thành phố Lai Châu, các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên.

- Tính chất vùng: Là vùng kinh tế động lực, vùng đô thị có quy mô lớn nhất tập trung các hoạt động công nghiệp với các khu công nghiệp đô thị - dịch vụ, cụm công nghiệp của tỉnh; là trung tâm logistics, đầu mối phân phối, thu mua tiêu thụ và xuất khẩu hàng hóa lớn nhất tỉnh, trong đó cửa khẩu Ma Lù Thàng đóng vai trò là cửa ngõ xuất khẩu của khu vực các tỉnh Tây Bắc; là vùng nông nghiệp, vùng sản xuất lương thực lớn của tỉnh, có ý nghĩa quan trọng về an ninh lương thực; là trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch trọng điểm của tỉnh.

- Định hướng phát triển: Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, cấp nước, thủy lợi, điện, viễn thông nhằm tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế toàn vùng và liên kết vùng với các khu vực phát triển hơn (liên kết đến cao tốc Hà Nội - Lào Cai và QL.32 đi các tỉnh miền xuôi); phát triển kinh tế biên mậu; phát triển một số cây công nghiệp, cây dược liệu có ưu thế theo hướng xuất khẩu; phát triển công nghiệp năng lượng, công nghiệp khai thác và chế biến nông - lâm - khoáng sản, nhất là chế biến sâu; thu hút đầu tư phát triển dịch vụ du lịch, vận tải.

b) Vùng liên huyện 2 - Vùng kinh tế sông Đà bao gồm các huyện Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè.

- Tính chất vùng: Là vùng có vị trí trọng yếu về quốc phòng an ninh đối với tỉnh và cả nước, có tiềm năng phát triển kinh tế biên mậu; là vùng có tiềm năng lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản lớn của tỉnh; vùng đầu nguồn sông Đà, có ý nghĩa quan trọng về sinh thái đối với khu vực hạ du.

- Định hướng phát triển: Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng, trong đó tập trung ưu tiên kết cấu hạ tầng giao thông, cấp nước và cấp điện. Tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình nông thôn mới trên địa bàn. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng để phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có quy mô lớn, sản phẩm OCOP, nông lâm sản mà vùng có ưu thế, hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ, duy trì vị thế và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Thu hút đầu tư phát triển các cơ sở chế biến sản phẩm công nghiệp, nông sản phục vụ xuất khẩu, tạo đầu ra cho nông sản trong vùng. Phát triển mô hình nuôi cá trên lòng hồ. Phát huy tiềm năng, đẩy mạnh và phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng. Hỗ trợ các nhà đầu tư thủy điện nhỏ và trung bình trên địa bàn hoàn thành các công trình được cấp phép đầu tư, tạo nguồn thu ổn định cho tỉnh và các huyện.

2. Phương án quy hoạch phát triển vùng huyện

Quy hoạch các vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm:

a) Vùng huyện Tam Đường

- Tính chất: Là trung tâm du lịch trọng điểm của tỉnh Lai Châu và vùng Tây Bắc; vùng phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, nông nghiệp ứng

dụng công nghệ cao; vùng nuôi cá nước lạnh; vùng kinh tế lâm nghiệp; vùng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp lớn của tỉnh.

- Định hướng phát triển: Phát triển nhanh, bền vững, dựa trên các trụ cột về du lịch, nông nghiệp sản xuất hàng hóa giá trị gia tăng cao và kinh tế nông thôn; phát triển du lịch; phát triển các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung. Phát triển thị trấn Tam Đường đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025 và đô thị loại III vào năm 2030.

b) Vùng huyện Tân Uyên

- Tính chất: Là một trong 04 vùng huyện động lực kinh tế của tỉnh; vùng tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, công nghiệp điện, công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng; vùng phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm; vùng du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch cộng đồng và du lịch khám phá, mạo hiểm của tỉnh.

- Định hướng phát triển: Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung tạo sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù gắn với chế biến, tiêu thụ trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ cao trong sản xuất. Phấn đấu đến năm 2030, thị trấn Tân Uyên đạt tiêu chí đô thị loại IV.

c) Vùng huyện Than Uyên

- Tính chất: Là cửa ngõ và một trong 04 vùng huyện động lực kinh tế của tỉnh Lai Châu; vùng trung tâm trồng cây lương thực quan trọng của tỉnh; vùng có điều kiện thuận lợi về giao thông.

- Định hướng phát triển: Tập trung phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, và du lịch. Phấn đấu đến năm 2030, thị trấn Than Uyên lên đô thị loại IV, xã Phúc Than đạt đô thị loại V.

d) Vùng huyện Phong Thổ

- Tính chất: Là vùng có vị trí trọng yếu về quốc phòng an ninh của tỉnh và khu vực Tây Bắc; trung tâm sản xuất, chế biến công nghiệp, nông nghiệp.

- Định hướng phát triển: Phát triển nông nghiệp, công nghiệp, kinh tế cửa khẩu. Phấn đấu đến năm 2030, thị trấn Phong Thổ đạt tiêu chí đô thị loại IV; đô thị Ma Lù Thàng đạt tiêu chí đô thị loại V; khu vực Đào San đạt tiêu chí đô thị loại V.

đ) Vùng huyện Sìn Hồ

- Tính chất: Là vùng nông nghiệp lớn; vùng có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Định hướng phát triển: Tập trung phát triển nông nghiệp và du lịch sinh thái. Phấn đấu đến năm 2030, thị trấn Sìn Hồ đạt tiêu chí đô thị loại IV.

e) Vùng huyện Nậm Nhùn

- Tính chất: Là vùng huyện có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng; vùng nông lâm nghiệp lớn của tỉnh; vùng kinh tế sinh thái quan trọng của tỉnh.

- Định hướng phát triển: Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp và du lịch sinh thái. Phấn đấu đến năm 2030, thị trấn Nậm Nhùn đạt tiêu chí đô thị loại V.

g) Vùng huyện Mường Tè

- Tính chất: Là vùng đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng lâm nghiệp, nông nghiệp lớn của tỉnh.

- Định hướng phát triển: Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để thúc đẩy phát triển kinh tế. Phát triển nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản. Phấn đấu đến năm 2030, thị trấn Mường Tè đạt tiêu chí đô thị loại V.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng bảo vệ môi trường

Vùng bảo vệ môi trường được phân thành các vùng theo yếu tố nhạy cảm về môi trường là vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác.

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung tại nội thành, nội thị từ loại III trở lên; nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải: Bao gồm vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của đô thị loại IV, loại V; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các vùng khác gồm: Các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Hình thành và bảo vệ các vùng đất ngập nước quan trọng trên tỉnh Lai Châu, gồm 04 hồ chứa: Hồ chứa thủy điện Huội Quảng (huyện Than Uyên), hồ

chứa thủy điện Bản Chát (huyện Than Uyên và Tân Uyên), hồ chứa thủy điện Lai Châu (huyện Mường Tè và Nậm Nhùn), hồ chứa thủy điện Sơn La (huyện Sìn Hồ và Nậm Nhùn).

- Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài di cư. Tăng cường công tác bảo tồn nguồn gen, quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ tri thức truyền thống về nguồn gen. Đánh giá phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững. Kiểm soát tốt các hoạt động gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.

- Duy trì, bảo vệ 02 khu rừng đặc dụng hiện có với tổng diện tích 41.275 ha (Vườn quốc gia Hoàng Liên trên địa bàn huyện Tân Uyên với diện tích 7.500 ha và Khu bảo tồn thiên nhiên huyện Mường Tè với diện tích 33.775 ha).

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

c) Quan trắc chất lượng môi trường

- Kế thừa và duy trì hệ thống 222 điểm quan trắc môi trường đã được phê duyệt; bổ sung mới 137 điểm quan trắc môi trường.

- Đầu tư bổ sung, nâng cấp trang thiết bị quan trắc, phân tích hiện trường và phòng thí nghiệm, hệ thống quan trắc không khí, nước mặt tự động, liên tục.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Quản lý bảo vệ rừng: Bảo vệ nghiêm ngặt các hệ sinh thái tự nhiên; kiểm soát chặt chẽ các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; ứng dụng công nghệ số trong bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Sản xuất cây giống: Chủ động sản xuất cây giống đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu trồng rừng mới tại tỉnh; chọn các giống có tiềm năng năng suất cao, thích nghi và kháng bệnh tốt để phục vụ công tác phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Khai thác, phát triển kinh tế rừng: Thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất tại các huyện Tân Uyên, Mường Tè, Tam Đường, Than Uyên (mỗi huyện 1 - 2 nhà máy); phát triển lâm nghiệp gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp với chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh, du lịch mạo hiểm.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành chính sách và khung giá cho thuê môi trường rừng trên diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng ở các địa điểm có điều kiện phù hợp trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

a) Thăm dò, khai thác khoáng sản

Khoanh định, quy hoạch, thăm dò, khai thác và chế biến 240 khu, điểm mỏ khoáng sản. Giai đoạn 2021 - 2025, thực hiện thăm dò, khai thác 118 điểm mỏ. Giai đoạn năm 2026 - 2030, thực hiện thăm dò, khai thác 122 điểm mỏ.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

b) Khu vực cấm hoạt động khoáng sản

Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, gồm: Khu vực đất có di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của Luật Di sản văn hóa; khu vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ; khu vực đất quy hoạch dành cho mục đích quốc phòng, an ninh; đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc.

c) Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản gồm: Các điểm đất đề xuất đưa vào mục đích quốc phòng và 55 đoạn sông bị cấm khai thác cát do có hiện tượng bồi xói, các sông bị bồi xói theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

- Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo thứ tự: (1) đảm bảo đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; (2) đảm bảo dòng chảy tối thiểu cho môi trường để duy trì hệ sinh thái thủy sinh trên các sông chính của từng khu vùng nước; (3) đảm bảo yêu cầu nước cho phát triển công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp có đóng góp giá trị kinh tế lớn cho tỉnh; (4) đảm bảo cung cấp nước cho ngành nông nghiệp (bao gồm chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản).

- Nguồn nước dự phòng, đảm bảo cấp nước sinh hoạt trong trường hợp thiếu nước và sự cố môi trường.

- Nguồn nước bổ sung từ các thủy điện: Khoảng 2,65 triệu m³.

- Nguồn nước bổ sung từ các hồ chứa thủy lợi, công trình thủy lợi.

- Nguồn nước bổ sung từ nước dưới đất: Khoảng 1,23 triệu m³.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

b) Bảo vệ tài nguyên nước

- Khai thác hiệu quả, ổn định, lâu dài nguồn nước mặt, nước dưới đất; bảo đảm cân đối, đáp ứng hài hoà nhu cầu cấp nước trên phạm vi toàn tỉnh và từng

vùng; tăng cường bảo vệ chất lượng nguồn nước, xây dựng các hồ chứa điều tiết nguồn nước, xây dựng các công trình khai thác lấy nước mặt nhằm đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước và duy trì dòng chảy tối thiểu; tiến hành xây dựng các hồ chứa thủy lợi theo quy hoạch; đẩy mạnh việc xây dựng các trạm xử lý nước thải; đẩy mạnh trồng và nâng cao độ che phủ rừng, sử dụng hợp lý tài nguyên đất nhằm điều hòa nguồn nước, giảm lũ, tăng lưu lượng mùa kiệt.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, đảm bảo an ninh nguồn nước, chủ động nguồn nước và cung cấp đủ cho các ngành, lĩnh vực: Sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, năng lượng, giao thông và các ngành sử dụng tài nguyên nước khác. Tăng cường các biện pháp quản lý, chống thất thoát, lãng phí tài nguyên nước từ các công trình khai thác sử dụng nước, đặc biệt là các công trình thủy lợi và cấp nước tập trung; hạn chế đến mức thấp nhất việc khai thác quá ngưỡng giới hạn dòng chảy tối thiểu trên sông, quá giới hạn độ sâu mực nước cho phép đối với tầng chứa nước, đặc biệt là hạn chế các nguy cơ ô nhiễm, suy giảm nguồn nước mặt, nước dưới đất.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra

- Phòng chống, khắc phục hậu quả của mưa lũ và mùa mưa hàng năm: Lập tiêu chuẩn phòng, chống lũ lụt cho từng vùng của lưu vực các con sông trên địa bàn tỉnh Lai Châu và xây dựng kế hoạch chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để xử lý khi lũ lụt xảy ra; tổ chức quan trắc, dự báo và thông báo kịp thời về mưa, lũ trong địa bàn tỉnh; xây dựng, vận hành hồ chứa nước phải có phương án đảm bảo an toàn công trình, phòng, chống lũ lụt cho những vùng xung quanh; xây dựng các phương án di dân an toàn khỏi những vùng mưa lũ, sạt lở, đảm bảo đời sống của Nhân dân, khắc phục hậu quả lũ lụt, trợ cấp cho Nhân dân vùng bị ảnh hưởng; xây dựng các phương án khắc phục hậu quả của mưa lũ, sạt lở đất ảnh hưởng đến các công trình giao thông, trường học,...

- Phòng chống, khắc phục hậu quả của hạn hán vào mùa khô: Hỗ trợ xây dựng các công trình thủy lợi ở các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán để có nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất và phòng, chống cháy rừng; tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả hạn hán; tổ chức quan trắc và cung cấp kịp thời thông tin, dự báo về khí tượng thủy văn để phục vụ phòng, chống hạn hán.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng chống đối với từng loại thiên tai

- Vùng chịu ảnh hưởng của mưa đá, gió lốc ở hầu hết các địa phương trên địa bàn tỉnh, nghiêm trọng hơn ở các xã, thị trấn: Phúc Than (huyện Than Uyên); Sơn Bình (huyện Tam Đường); Nậm Mạ, thị trấn Sìn Hồ (huyện Sìn Hồ); Lê Lợi, Nậm Hàng, Nậm Ban và thị trấn Nậm Nhùn (huyện Nậm Nhùn).

- Vùng chịu ảnh hưởng của lũ quét, lũ ống các xã, thị trấn: Mường Kim (huyện Than Uyên); Mường Tè, thị trấn Mường Tè (huyện Mường Tè); Mường So, Đào San (huyện Phong Thổ); Sơn Bình, Bình Lư và thị trấn Tam Đường (huyện Tam Đường).

- Vùng chịu ảnh hưởng của sạt lở đất chủ yếu ở các xã, thị trấn: Khun Há, Tả Lèng, Bản Hòn (huyện Tam Đường); Đào San, Tung Qua Lìn (huyện Phong Thổ); Cấn Co, Pu Sam Cáp, Nậm Cuối (huyện Sìn Hồ); Nậm Manh, Mường Mô, Nậm Hàng, Nậm Pì (huyện Nậm Nhùn); sạt lở nghiêm trọng hơn ở các xã Ka Lăng, Thu Lũm và thị trấn Mường Tè (huyện Mường Tè).

- Vùng chịu ảnh hưởng của rét hại, sương muối: Hầu hết các địa phương trên toàn tỉnh, trong đó nghiêm trọng hơn ở các huyện Sìn Hồ, Tam Đường, Phong Thổ.

- Vùng chịu ảnh hưởng của hạn hán: Hầu hết các địa phương trên toàn tỉnh, nghiêm trọng hơn ở huyện Than Uyên.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu

- Xây dựng được các giải pháp trọng tâm và ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu đối với từng ngành, lĩnh vực và khu vực.

- Ứng dụng cách tiếp cận thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái.

- Củng cố và nâng cao năng lực cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh về mặt thể chế, tổ chức, chính sách, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức cho toàn dân về tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của toàn dân vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Huy động nguồn lực tài chính từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm nguồn tài trợ quốc tế và ngân sách nhà nước trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đầu tư, xây dựng kè chống sạt lở bờ sông, suối, bảo vệ khu dân cư và bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường năng lực cho công tác giám sát, dự báo và cảnh báo thiên tai.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, tỉnh Lai Châu xác định 222 dự án đầu tư thuộc 18 ngành/lĩnh vực.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Nhóm giải pháp về huy động vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển cần huy động giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 168 nghìn tỷ đồng.

Ưu tiên bố trí các nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án lớn, quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển nhưng không huy động được nguồn lực xã hội hóa.

Tập trung huy động mọi nguồn lực và đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, đặc biệt là huy động vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), nguồn vốn ODA, viện trợ, tài trợ,... để đầu tư các dự án lớn về hạ tầng giao thông, thủy điện, khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, đô thị, du lịch và các dự án hạ tầng xã hội.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tập trung thu hút vốn để phát triển các ngành trụ cột của tỉnh là công nghiệp (thủy điện, chế biến đất hiếm, chế biến nông lâm thủy sản, hạ tầng khu, cụm công nghiệp), dịch vụ (thương mại, kinh tế biên mậu, du lịch), nông nghiệp (phát triển các vùng nông lâm nghiệp hàng hóa tập trung, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ...).

2. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; nâng cao toàn diện chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực ở các cấp, nhất là cấp quản lý; chú trọng công tác đào tạo cho một số đối tượng và ngành nghề phù hợp với đặc thù của tỉnh, phù hợp với từng vùng và định hướng phát triển kinh tế, xã hội của các huyện, thành phố, theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và theo nhu cầu của xã hội.

Thực hiện hiệu quả chính sách thu hút, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức. Xây dựng hệ thống mạng lưới thông tin thị trường lao động, phát triển sàn giao dịch việc làm.

3. Nhóm giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh công tác xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của các bên liên quan đến bảo vệ môi trường và thực hiện tăng trưởng xanh. Phát triển cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải rắn, nước thải; hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường. Thực hiện tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường trong các ngành, lĩnh vực kinh tế; xanh hóa sản xuất, giảm thiểu chất thải, khí thải, nước thải, tăng cường các điều kiện bảo vệ môi trường ở các khu vực sản xuất. Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống công trình phòng chống thiên tai và công trình dân sinh thích ứng với biến đổi khí hậu và

chủ động phòng ngừa tác động của thiên tai; đồng thời có các giải pháp kịp thời để phục hồi các cảnh quan môi trường bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản.

Tiếp nhận chuyển giao và học hỏi để làm chủ công nghệ, kỹ thuật sản xuất từ các quốc gia phát triển. Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các doanh nghiệp công nghệ cao để gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ. Nâng tỷ lệ vốn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển.

4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách: (i) thu hút các nhà đầu tư chiến lược, đầu tư có hiệu quả, phát triển bền vững vào đầu tư tại tỉnh; (ii) hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng đối với phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh; (iii) huy động nguồn lực nâng cao chất lượng đô thị; (iv) hình thành vùng nguyên liệu lớn; (v) thu hút và sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao;...

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số theo lộ trình của Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

- Tăng cường và thực hiện hiệu quả các chương trình liên kết vùng; phối hợp phát triển du lịch giữa Lai Châu với các địa phương lân cận; tham gia và thực hiện có hiệu quả Chương trình hợp tác 08 tỉnh Tây Bắc mở rộng về phát triển du lịch. Thực hiện liên kết với các địa phương trong vùng để phát triển kinh tế - xã hội trên các tuyến hành lang kinh tế để phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ logistics và vận tải. Hợp tác, kết nối với các tỉnh trong vùng trung du miền núi phía Bắc trong phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; xây dựng vùng nguyên liệu chung, trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp; chăn nuôi tập trung; trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ cho các dự án thủy điện.

- Mở rộng hợp tác quốc tế: Củng cố và tăng cường hợp tác truyền thống với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, phát triển kinh tế tại các khu vực cửa khẩu. Hợp tác phát triển kinh tế, chuyển giao công nghệ, giao lưu văn hóa với các nước (Nhật Bản, Hàn Quốc,...). Tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam; các cơ quan hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại nước ngoài; các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam, để tranh thủ các nguồn vốn tài trợ, đầu tư, các dự án hỗ trợ phát triển.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn

Xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị. Việc chỉnh trang đô thị ở các khu vực xa trung tâm, khu vực nông thôn cần phải gắn kết hài

hòa với quy hoạch các đô thị vùng trung tâm và quy hoạch xây dựng nông thôn mới, cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường.

Xây dựng lộ trình thích hợp để từng bước xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện đặc thù của các vùng kinh tế trong tỉnh.

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp.

Thường xuyên cập nhật và công bố công khai định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện.

6. Nhóm giải pháp về đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển

Kiểm soát chặt chẽ quỹ đất phục vụ an ninh, quốc phòng ở khu vực biên giới có vị trí trọng yếu về quốc phòng an ninh, quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn sông Đà.

Chú trọng phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng tại khu vực biên giới; nâng cao hiệu quả hợp tác hữu nghị với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) trên các mặt kinh tế, đối ngoại, an ninh, quốc phòng.

Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, đoàn thể trong công tác bảo đảm an toàn, trật tự trên các lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh thông tin truyền thông, bảo vệ bí mật nhà nước.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, góp phần từng bước xây dựng xã hội trật tự kỷ cương, an toàn, lành mạnh; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

7. Nhóm giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh. Xây dựng chương trình hành động cụ thể để có kế hoạch thực hiện đạt hiệu quả. Cụ thể hóa nội dung của Quy hoạch tỉnh bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; giới thiệu các chương trình, dự án cần được ưu tiên đầu tư, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm tạo ra những sản phẩm chủ lực.

XIII. DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 tại Phụ lục XXII kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

1. Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ để triển khai lập các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

a) Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để thống nhất với Quyết định phê duyệt quy hoạch; cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ.

b) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Thực hiện các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường khi triển khai các dự án thực hiện Quy hoạch, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững; tổ chức quan trắc, giám sát, quản lý môi trường; lưu giữ cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ quá trình chuyển đổi số trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

e) Thực hiện rà soát nội dung Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được quyết định hoặc phê duyệt và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên

quan; đồng thời, người chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư phù hợp với tiến độ, tình hình thực tế và phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật có liên quan.

Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

Đối với các dự án được phân kỳ đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu chịu trách nhiệm trước pháp luật về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan khác; (ii) phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này; bảo đảm tính đồng bộ, không chồng lấn, xung đột giữa các nội dung của các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định pháp luật có liên quan; (iii) nội dung tiếp thu, giải trình, bảo lưu ý kiến của các bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình tham gia ý kiến, thẩm định và rà soát hồ sơ quy hoạch; (iv) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 4569/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023; (v) đối với các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện (nếu có): chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

5. Các bộ, cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu trong việc nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tỉnh ủy Lai Châu;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHĐP (3b) Đ.Minh.



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

**PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		
		Hiện trạng năm 2021	Đến năm 2030	Định hướng đến năm 2050
1	Thành phố Lai Châu	III	III	II
2	Tam Đường (huyện Tam Đường)	V	IV	III
3	Bản Bo (huyện Tam Đường)			V
4	Tân Uyên (huyện Tân Uyên)	V	IV	III
5	Nậm Sỏ (huyện Tân Uyên)			V
6	Pắc Ta (huyện Tân Uyên)			V
7	Phúc Than (huyện Than Uyên)		V	IV
8	Than Uyên (huyện Than Uyên)	V	IV	III
9	Mường Kim (huyện Than Uyên)			V
10	Sìn Hồ (huyện Sìn Hồ)	V	IV	IV
11	Chăn Nưa (huyện Sìn Hồ)			V
12	Pa Tần (huyện Sìn Hồ)			V
13	Nậm Tăm (huyện Sìn Hồ)		V	IV
14	Phong Thổ (huyện Phong Thổ)	V	IV	IV
15	Ma Lù Thàng (huyện Phong Thổ)		V	IV
16	Dào San (huyện Phong Thổ)			V
17	Mường Tè (huyện Mường Tè)	V	V	IV
18	Nậm Cười (huyện Sìn Hồ)			V

		Phân loại đô thị		
19	Nậm Nhùn (huyện Nậm Nhùn)	V	V	IV

Ghi chú:

- Phạm vi, ranh giới dự kiến của các đô thị được xác định cụ thể trong nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của pháp luật;
- Việc phân loại đô thị phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia./.

Phụ lục II

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
	Khu công nghiệp Mường So	Huyện Phong Thổ	200

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình quy hoạch xây dựng, lập, phê duyệt dự án đầu tư.

- Đối với phần diện tích quy hoạch nằm ngoài chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022, chỉ triển khai thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phân bổ thêm chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp./.

Phụ lục III

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
I	Các cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật			
	Cụm công nghiệp Than Uyên	Xã Phúc Than, huyện Than Uyên	50	Chế biến nông, lâm sản, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến khoáng sản, hàng mỹ nghệ
	Tổng cộng		50	
II	Các cụm công nghiệp thành lập mới			
1	Cụm công nghiệp Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	50	Chế biến chè, đồ gỗ mỹ nghệ, cơ khí sửa chữa, vật liệu xây dựng, tiểu thủ công nghiệp
2	Cụm công nghiệp Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	17,9	Chế biến nông lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng; tiểu thủ công nghiệp; cơ khí nhỏ
3	Cụm công nghiệp Mường Tè	Xã Bum Tở, huyện Mường Tè	46,24	Chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; tiểu thủ công nghiệp; cơ khí sửa chữa nhỏ
	Tổng cộng		114,14	

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi, ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU TỔ HỢP SINH THÁI, DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG, VĂN HÓA THỂ THAO VÀ SÂN GÔN TỈNH LAI CHÂU

THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Phương án phát triển	Địa điểm dự kiến
I	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn	
1	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn (thuộc quần thể khu du lịch hang động Pu Sam Cáp)	Thành phố Lai Châu
2	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn Tam Đường	Huyện Tam Đường
3	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên
II	Các khu du lịch định hướng trở thành khu du lịch cấp quốc gia (05 khu)	
1	Quần thể du lịch thác Tác Tình gắn với chinh phục đỉnh Pu Ta Leng	Huyện Tam Đường
2	Quần thể du lịch sinh thái Sin Suối Hồ gắn với đỉnh Bạch Mộc Lương Tử, Sơn Bạc Mây	Huyện Phong Thổ
3	Quần thể du lịch đèo Hoàng Liên tại huyện Tam Đường và huyện Tân Uyên gắn với du lịch sinh thái hang động Tiên Sơn	Các huyện Tam Đường, Tân Uyên
4	Quần thể các đỉnh núi cao: Bạch Mộc Lương Tử, Pu Ta Leng, Tả Liên Sơn, Pu Si Lung	Các huyện Phong Thổ, Tam Đường, Mường Tè
5	Quần thể du lịch sinh thái cao nguyên Sin Hồ	Huyện Sin Hồ
III	Các khu du lịch định hướng trở thành khu du lịch cấp tỉnh (27 khu)	
1	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị sinh thái Pu Sam Cáp	Thành phố Lai Châu

TT	Phương án phát triển	Địa điểm dự kiến
2	Quần thể du lịch Pu Sam Cáp	Thành phố Lai Châu và huyện Tam Đường
3	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ thương mại Vườn địa đàng Sơn Bình	Huyện Tam Đường
4	Quần thể Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng	Huyện Tam Đường
5	Quần thể Công viên hoa hồng	Huyện Tam Đường
6	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng Sâm Lai Châu huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường
7	Tổ hợp khu du lịch, nghỉ dưỡng phức hợp huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường
8	Quần thể Khu du lịch chinh phục đỉnh Pu Ta Leng	Huyện Tam Đường
9	Khu du lịch gắn với Bản văn hóa cộng đồng tại xã Khun Há	Huyện Tam Đường
10	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng sinh thái văn hóa gắn với suối nước nóng Phiêng Phát	Huyện Tân Uyên
11	Quần thể du lịch sinh thái gắn với suối nước nóng Nà Hoi	Huyện Tân Uyên
12	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và văn hóa Pắc Ta	Huyện Tân Uyên
13	Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng tắm nước nóng Mường Khoa	Huyện Tân Uyên
14	Quần thể du lịch sinh thái vùng chè gắn với suối nước nóng xã Trung Đòng	Huyện Tân Uyên
15	Tổ hợp du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa dân tộc Mông, bảo tồn chè cổ thụ và nuôi cá nước lạnh tại bản Hô Tra, xã Mường Khoa	Huyện Tân Uyên
16	Tổ hợp các dự án thương mại, dịch vụ và khách sạn	Huyện Tân Uyên
17	Quần thể du lịch lòng hồ thủy điện Huổi Quảng gắn với quần thể hang động Bản Mè	Huyện Than Uyên
18	Quần thể du lịch lòng hồ thủy điện Bản Chát	Huyện Than Uyên

TT	Phương án phát triển	Địa điểm dự kiến
19	Tổ hợp du lịch đèo Khau Co xã Phúc Than	Huyện Than Uyên
20	Quần thể du lịch cộng đồng xã Tà Mung	Huyện Than Uyên
21	Tổ hợp khu dịch vụ, giải trí khu Kinh tế Cửa khẩu Ma Lù Thàng	Huyện Phong Thổ
22	Quần thể khu bảo tồn thiên nhiên huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè
23	Quần thể du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Lai Châu	Huyện Nậm Nhùn
24	Quần thể du lịch sinh thái Pú Đao kết hợp du lịch lòng hồ thủy điện	Huyện Nậm Nhùn
25	Tổ hợp du lịch sinh thái đỉnh Pu Si Lung	Huyện Mường Tè
26	Tổ hợp du lịch suối nước nóng Nậm Ngao	Huyện Mường Tè
27	Quần thể du lịch Sâm Lai Châu huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè

Ghi chú:

- Tên công trình, dự án được tạm thời xác định tại thời điểm lập quy hoạch; tên cụ thể, chính xác sẽ được xác định trong quá trình lập, phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích sử dụng đất và điều kiện thành lập trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư./.

Phụ lục V**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
A	Cao tốc			
	Cao tốc Bảo Hà (Lào Cai) - Lai Châu (CT.13)	Đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai (IC.16), Lào Cai	Cửa khẩu Ma Lù Thàng, Lai Châu	Cao tốc 4 làn xe
B	Quốc lộ			
1	Quốc lộ 4D	Ngã 3 Pa So, huyện Phong Thổ	Đèo Trạm Tôn, huyện Tam Đường	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
2	Quốc lộ 12	Cửa khẩu Ma Lù Thàng	Cầu Hang Tôm, huyện Sìn Hồ	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
3	Quốc lộ 32	Vách Kim, huyện Than Uyên	Ngã 3 Bình Lư, huyện Tam Đường	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
4	Quốc lộ 279	Đèo Khau Co, huyện Than Uyên	Cấp Na, huyện Than Uyên	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
5	Quốc lộ 279D	Mường Kim, huyện Than Uyên	Khoen On, huyện Than Uyên	Cấp IV, 2 làn xe
6	Quốc lộ 4H	Xã Mù Cả, huyện Mường Tè	Xã Pa Tần, huyện Mường Tè	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
7	Quốc lộ 4H3	Pác Ma, huyện Mường Tè	Cửa khẩu U Ma Tu Khoàng	Cấp IV, 2 làn xe
C	Đường tỉnh			
I	Đường tỉnh hiện có cải tạo, nâng cấp			
1	Quốc lộ 100 (chuyển thành đường tỉnh)	Ngã 3 Nậm Cáy, huyện Phong Thổ	Ngã 3 Mường So, huyện Phong Thổ	Cấp IV

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
2	Đường tỉnh 127	Ngã 3 Lai Hà (giao quốc lộ 12)	Trung tâm huyện Mường Tè	Cấp IV
3	Đường tỉnh 128	Ngã 3 Chăn Nưa	Trung tâm huyện Sìn Hồ	Cấp IV
4	Đường tỉnh 129	Thành phố Lai Châu	Trung tâm huyện Sìn Hồ	Cấp III-IV
5	Đường tỉnh 129B	Bản Nậm Pây tại Km24+100, quốc lộ 12, huyện Phong Thổ	Km0 tại ngã 3 Tà Ghênh, huyện Sìn Hồ	Cấp VI
6	Đường tỉnh 130	San Thàng, thành phố Lai Châu	Thèn Sin, huyện Phong Thổ	Cấp V
7	Đường tỉnh 132	Mường So, huyện Phong Thổ	Trung tâm xã Sì Lò Lầu, huyện Phong Thổ	Cấp IV-V
8	Đường tỉnh 133	Đường tỉnh 129, Séo Lèng, xã Phìn Hồ, huyện Sìn Hồ	Quốc lộ 32, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Cấp VI
9	Đường tỉnh 134	Khau Giềng, giao quốc lộ 32 tại Km370 + 500, huyện Tân Uyên	Xã Pha Mu, huyện Tân Uyên (ranh giới huyện Quỳnh Nhai, Sơn La)	Cấp IV-V
10	Đường tỉnh 135	Thành phố Lai Châu	Trung tâm xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ	Cấp IV-V
11	Đường tỉnh 136	Km0, xã San Thàng, thành phố Lai Châu	Trung tâm huyện Tam Đường	Cấp III-IV
II	Đường tỉnh được nâng lên từ đường huyện			
1	Đường Thèn Sin - Sin Suối Hồ (dự kiến đường tỉnh 131)	Giao đường tỉnh 130, xã Thèn Sin, huyện Tam Đường	Điểm giao đường Hành lang biên giới	Cấp VI

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
2	Đường Khun Há - Phúc Khoa - Mường Khoa (nối vào đường tỉnh 136)	Đường nối cao tốc	Quốc lộ 32	Cấp IV-VI
3	Đường Pa Tần - Huổi Luông (dự kiến đường tỉnh 129C)	Km34+300 quốc lộ 12, xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ	Km1+55, quốc lộ 12, huyện Phong Thổ	Cấp V
4	Đường Khổng Lào - Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng	Giao đường tỉnh 130 (khoảng Km22), huyện Phong Thổ	Bãi đỗ xe cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện Phong Thổ	Cấp IV
III	Đường tỉnh mở mới			
1	Đường Nậm Sỏ - Tà Mít (dự kiến đường tỉnh 133B)	Giao đường tỉnh 133, xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên	Bến phà Tà Mít, huyện Tân Uyên	Cấp V-VI
2	Đường Tây sông Đà (Nậm Khao - Tà Tổng - Cao Chải - Nậm Ngà - Táng Ngá - Nậm Cha - Huổi Linh - Nậm Nhùn) (dự kiến đường tỉnh 126)	Xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	Cấp V-VI
3	Đường nối Cao Chải - Mường Toong (Mường Nhé, Điện Biên) (dự kiến đường tỉnh 126B)	Cao Chải, huyện Mường Tè	Ranh giới tỉnh Điện Biên	Cấp V-VI
4	Đường nối Nậm Chà - Nậm Pồ (Điện Biên) (dự kiến Đường tỉnh 126C)	Xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn	Ranh giới tỉnh Điện Biên	Cấp V-VI
5	Đường nối Huổi Mẩn - Chà Cang (Nậm Pồ, Điện Biên) (dự kiến đường tỉnh 126D)	Huổi Mẩn, huyện Nậm Nhùn	Ranh giới tỉnh Điện Biên	Cấp V-VI
6	Đường Noong Hẻo - Nậm Hăn nối Tòa Chùa, Quỳnh Nhai (dự kiến đường tỉnh 137)	Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ	Ranh giới tỉnh Sơn La	-

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
7	Đường Nậm Nhùn - cầu Pá Bon	Nậm Nhùn	Giao quốc lộ 12	-
8	Đường nối Mường Tè - Nậm Nhùn	Thị trấn Mường Tè	Thị trấn Nậm Nhùn	-
IV	Một số công trình quan trọng có tính kết nối vùng			
1	Cầu Nậm Lăn - mốc 17	Sông Đà		Bê tông cốt thép dự ứng lực
2	Cầu Nậm Chà - Huổi Lĩnh	Sông Đà		Bê tông cốt thép dự ứng lực
3	Cầu Nậm Pì	Sông Nậm Na		
4	Cầu Pá Bon	Sông Nậm Na		
5	Cầu đa năng cửa khẩu Ma Lù Thàng	Ma Lù Thàng (Việt Nam)	Kim Thủy Hà (Trung Quốc)	Bê tông cốt thép dự ứng lực
6	Cầu Pá Ngừa (thay thế phà Pá Ngừa đường tỉnh 134)	hồ Bản Chát		Bê tông cốt thép dự ứng lực/ Đúc hẫng
7	Hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên	Tam Đường/Lai Châu	Sa Pa/Lào Cai	III
8	Hầm đường bộ qua đèo Khau Co	Than Uyên/Lai Châu	Văn Bàn/Lào Cai	III

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, chiều dài của các công trình, dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục VI

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

A. NGUỒN ĐIỆN

I. DỰ ÁN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
A	Thủy điện			
I	Các dự án thủy điện đang vận hành			
1	Nậm Cầu 2	Huyện Mường Tè	10	10
2	Nậm Sì Lường 1A	Huyện Mường Tè	8	8
3	Nậm Cầu 1	Huyện Mường Tè	13	13
4	Pắc Ma	Huyện Mường Tè	160	190
5	Nậm Cùm 4	Huyện Mường Tè	56	56
6	Nậm Sì Lường 3	Huyện Mường Tè	25,4	25,4
7	Nậm Sì Lường 4	Huyện Mường Tè	25,1	25,1
8	Nậm Sì Lường 1	Huyện Mường Tè	30	30
9	Nậm Xí Lùng 1	Huyện Mường Tè	29	29
10	Pa Hạ	Huyện Mường Tè	28	28
11	Nậm Cùm 3	Huyện Mường Tè	48,5	48,5
12	Nậm Lăn	Huyện Mường Tè	15	15
13	Lai Châu	Huyện Nậm Nhùn	1.200	1.200
14	Nậm Nghe	Huyện Nậm Nhùn	7,5	7,5
15	Nậm Bùm 1	Huyện Nậm Nhùn	16	16
16	Nậm Ban 1	Huyện Nậm Nhùn	9,45	9,45
17	Nậm Ban 2	Huyện Nậm Nhùn	22	22
18	Nậm Ban 3	Huyện Nậm Nhùn	22	30
19	Nậm Bùm 2	Huyện Nậm Nhùn	28	28
20	Hua Bun	Huyện Nậm Nhùn	11,2	11,2
21	Nậm Cuối	Huyện Nậm Nhùn	11	11
22	Nậm Na 2	Các huyện Sìn Hồ, Phong Thổ	66	66

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
23	Nậm Na 3	Các huyện Sin Hồ, Nậm Nhùn	84	84
24	Pa Tần 2	Huyện Sin Hồ	20	20
25	Nậm Lụng	Huyện Phong Thổ	3,6	9
26	Nậm Cát	Huyện Phong Thổ	5	5
27	Nậm Na 1	Huyện Phong Thổ	30	30
28	Nậm Pạc 2	Huyện Phong Thổ	16	18,5
29	Nậm So 2	Huyện Phong Thổ	18	18
30	Nậm Pạc 1	Huyện Phong Thổ	14,5	16,5
31	Nậm Lụm 2	Huyện Phong Thổ	18	18
32	Nậm Xe	Huyện Phong Thổ	20	20
33	Nậm Lụm 1	Huyện Phong Thổ	8	8
34	Van Hồ	Huyện Phong Thổ	9,9	9,9
35	Chàng Phàng	Huyện Phong Thổ	5	5
36	Chu Va 12	Huyện Tam Đường	3,6	3,6
37	Nậm Thi 2	Huyện Tam Đường	8	8
38	Nậm Đích 1	Huyện Tam Đường	18	18
39	Chu Va 2	Huyện Tam Đường	12	20
40	Nậm So 1	Huyện Tam Đường	12	12
41	Hua Chăng	Huyện Tân Uyên	10,2	10,2
42	Nậm Be	Huyện Tân Uyên	4,6	4,6
43	Nậm Bon	Huyện Tân Uyên	3,6	3,6
44	Suối Lĩnh	Huyện Tân Uyên	5,2	6,2
45	Phiêng Lú	Huyện Tân Uyên	20	24
46	Hua Chăng 2	Huyện Tân Uyên	7	7
47	Nậm Mít Luông	Huyện Tân Uyên	6,8	6,8
48	Huội Quảng	Huyện Than Uyên	520	520
49	Bản Chát	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên	220	220
50	Nậm Mỏ 3	Huyện Than Uyên	10	10
51	Mường Kim II	Huyện Than Uyên	12	12
52	Mường Mít	Huyện Than Uyên	11	11
II	Các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 đang triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030			
1	Nậm Cùm 1	Huyện Mường Tè	29,8	29,8

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
2	Nậm Cùm 2	Huyện Mường Tè	24	24
3	Nậm Cùm 5	Huyện Mường Tè	10	10
4	Nậm Xí Lùng 2	Huyện Mường Tè	29	29
5	Nậm Hản 1	Huyện Mường Tè	18	25
6	Nậm Luông	Huyện Mường Tè	21,5	21,5
7	Nậm Cùm	Huyện Mường Tè	7	7
8	Là Si 1	Huyện Mường Tè	11	23
9	Nậm Xí Lùng 2A	Huyện Mường Tè	26	29,65
10	Nậm Cầu Thượng	Huyện Mường Tè	7	7
11	Nậm Cầu	Huyện Mường Tè	29,6	29,6
12	Nậm Cùm 6	Huyện Mường Tè	7	10,5
13	Kho Hà	Huyện Mường Tè	22	22
14	Kha Ú 2	Huyện Mường Tè	15,5	15,5
15	Là Pơ	Huyện Mường Tè	7	22
16	Nậm Xí Lùng 1A	Huyện Mường Tè	7,8	7,8
17	Nậm Ma 1A	Huyện Mường Tè	16,6	16,6
18	Nậm Ma 1B	Huyện Mường Tè	14	14
19	Nậm Ma 1C	Huyện Mường Tè	10,5	10,5
20	Nậm Ma 2A	Huyện Mường Tè	11,5	11,5
21	Nậm Ma 2B	Huyện Mường Tè	13,8	13,8
22	Nậm Ma 3	Huyện Mường Tè	11,5	11,5
23	Nậm Xí Lùng 1B	Huyện Mường Tè	11	11
24	Nậm Pục	Huyện Mường Tè	6	6
25	Nậm Cùm 7	Huyện Mường Tè	6,5	6,5
26	Thọ Gụ	Huyện Mường Tè	30	30
27	Thọ Gụ 1	Huyện Mường Tè	10,2	10,2
28	Thò Ma	Huyện Mường Tè	6	6
29	Huổi Vần	Huyện Nậm Nhùn	8	8
30	Nậm Nghe 1A	Huyện Nậm Nhùn	10	10
31	Nậm Pì	Huyện Nậm Nhùn	10	10
32	Nậm Bùm 1A	Huyện Nậm Nhùn	9,5	9,5
33	Nậm Cuối 1	Huyện Nậm Nhùn	19	19
34	Nậm Cuối 1A	Huyện Nậm Nhùn	7	7
35	Nậm Cuối 1B	Huyện Nậm Nhùn	7,5	7,5
36	Nậm Páng 2	Huyện Nậm Nhùn	11	11
37	Nậm Chà 1	Huyện Nậm Nhùn	24	29,5
38	Nậm Chà 2	Huyện Nậm Nhùn	4,4	14

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
39	Nậm Chán	Huyện Sìn Hồ	7,8	7,8
40	Nậm Cây	Huyện Sìn Hồ	15	22,5
41	Pa Tần 1	Huyện Sìn Hồ	8	8
42	Suối Ngang	Huyện Sìn Hồ	5	12
43	Nậm Chán 1	Huyện Sìn Hồ	5	5
44	Tà Páo Hồ	Huyện Phong Thổ	10	15
45	Nậm Xe 2	Huyện Phong Thổ	8	8
46	Nậm Xe 2A	Huyện Phong Thổ	10	10
47	Vàng Ma Chải 2	Huyện Phong Thổ	19	19
48	Vàng Ma Chải 3	Huyện Phong Thổ	21	21
49	Nậm Han	Huyện Phong Thổ	8	8
50	Nậm Pạc 1A	Huyện Phong Thổ	6,2	6,2
51	Nậm Lon	Huyện Phong Thổ	10	10
52	Tà Páo Hồ 2	Huyện Phong Thổ	5	5
53	Tà Páo Hồ 1A	Huyện Phong Thổ	13,5	13,5
54	Tà Páo Hồ 1B	Huyện Phong Thổ	10,5	10,5
55	Pa Vây Sừ 1	Huyện Phong Thổ	8,5	8,5
56	Nùng Than 1	Huyện Phong Thổ	30	30
57	Nậm Thi 1	Huyện Tam Đường	10	10
58	Nậm Giê	Huyện Tam Đường	4	14
59	Nậm Dích 2	Huyện Tam Đường	9	9
60	Chu Va 2A	Huyện Tam Đường	8	14,5
61	Đông Pao	Huyện Tam Đường	7,6	7,6
62	Phiêng Khon	Huyện Tân Uyên	18	24
63	Hố Mít	Huyện Tân Uyên	5	5
64	Hua Be	Huyện Tân Uyên	10	10
65	Nậm Bon 1	Huyện Tân Uyên	10	10
66	Nậm Be 2	Huyện Tân Uyên	10	10
67	Nà An	Các huyện Tân Uyên, Tam Đường	10,2	14
68	Mường Kim 3	Huyện Than Uyên	18,5	18,5
69	Nậm Mỏ 2	Huyện Than Uyên	20	17
70	Nậm Mỏ 1A	Huyện Than Uyên	18	30
III	Các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chưa triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030			

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
1	Nậm Ma	Huyện Mường Tè		40,5
2	Ma Nội	Huyện Mường Tè		8,6
3	Hà Né	Huyện Mường Tè		10
4	Kha Ú 1	Huyện Mường Tè		28
5	Là Si 2	Huyện Mường Tè		12
6	Là Si 3	Huyện Mường Tè		22
7	Nậm Hản 2	Huyện Mường Tè		18
8	Bum Nưa	Huyện Mường Tè		30
9	Khẻ Lú	Huyện Mường Tè		22,6
10	Thu Lũm	Huyện Mường Tè		14
11	Nậm Luông 1	Huyện Mường Tè		16
12	Là Si 1A	Huyện Mường Tè		28
13	Nậm Nhọ 1	Huyện Mường Tè		13,6
14	Nậm Hản A	Huyện Mường Tè		6
15	Ka Lăng B	Huyện Mường Tè		7
16	Nhù Cả	Huyện Mường Tè		7,2
17	Nậm Ngà	Huyện Nậm Nhùn		24
18	Nậm Nhé 1	Huyện Nậm Nhùn		18
19	Nậm Pồ	Huyện Nậm Nhùn		6,5
20	Nậm Đắc	Huyện Nậm Nhùn		4
21	Nậm Nhuần	Huyện Nậm Nhùn		3,6
22	Mường Mô	Huyện Nậm Nhùn		7
23	Nậm Cừ 1	Huyện Sìn Hồ		12
24	Nậm Cừ 2	Huyện Sìn Hồ		3,6
25	Ma Quai 1	Huyện Sìn Hồ		5
26	Ma Quai 2	Huyện Sìn Hồ		5
27	Nậm Nguyên	Huyện Sìn Hồ		8
28	Suối Ngâm	Huyện Sìn Hồ		25
29	Nậm Lụm 3	Huyện Phong Thổ		12
30	Po Chà	Huyện Phong Thổ		8
31	Pa Vây Sứ 2	Huyện Phong Thổ		18
32	Phai Cát	Huyện Phong Thổ		18
33	Nùng Than 2	Huyện Phong Thổ		8,6
34	Can Thàng	Huyện Phong Thổ		5
35	Nậm Lụm	Huyện Phong Thổ		6
36	Mán Tiên	Huyện Phong Thổ		4,6
37	An Hưng	Huyện Phong Thổ		5

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
38	Nậm Hồ	Huyện Tam Đường, thành phố Lai Châu		5

II. CÁC NGUỒN ĐIỆN TIỀM NĂNG

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)
A	Thủy điện		757
1	A Mé 1	Huyện Mường Tè	3,2
2	A Mé 2	Huyện Mường Tè	7
3	Kha Ú	Huyện Mường Tè	9
4	Nậm Làn 1	Huyện Mường Tè	15,6
5	Tả Phìn	Huyện Sìn Hồ	8
6	Nậm Cuối 2A	Huyện Nậm Nhùn	10,5
7	Mít Luông	Huyện Tân Uyên	12
8	Nậm Cầu Thượng 1	Huyện Mường Tè	10,2
9	Nậm Hạ	Huyện Mường Tè	4,2
10	Nậm Ngà 1	Huyện Mường Tè	10,5
11	Nậm Ngà 2	Huyện Mường Tè	5
12	Pa Hạ 1	Huyện Mường Tè	8,5
13	Xà Hồ	Huyện Mường Tè	10,5
14	Phiêng Khan	Huyện Mường Tè	7
15	Pa Hạ 2	Huyện Mường Tè	5
16	Nậm Ngọc	Huyện Mường Tè	17
17	Nậm Cuối 2B	Huyện Nậm Nhùn	5
18	Nậm Dàn	Huyện Nậm Nhùn	5,2
19	Nậm Tàn 1A	Huyện Sìn Hồ	5
20	Van Um	Huyện Sìn Hồ	6,8
21	Phìn Hồ	Huyện Sìn Hồ	25
22	Nậm Sáo	Huyện Sìn Hồ	5,4
23	Nậm Há	Huyện Sìn Hồ	9
24	Nậm Mông	Huyện Sìn Hồ	8
25	Phiêng Lót	Huyện Sìn Hồ	6
26	Nậm Khản	Huyện Sìn Hồ	5
27	Ma Ly Pho	Huyện Phong Thổ	26
28	Nậm Pồ 2	Huyện Nậm Nhùn	9
29	Huổi Luông	Huyện Phong Thổ	5

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)
30	Nậm Mu 2	Huyện Tam Đường	5,2
31	Sơn Bình	Huyện Tam Đường	7
32	Hồ Thầu 1	Huyện Tam Đường	6,2
33	Hồ Thầu 2	Huyện Tam Đường	5
34	Hồ Thầu 3	Huyện Tam Đường	5,4
35	Nậm Be Hạ	Huyện Tân Uyên	5
36	Châu Sa	Huyện Tam Đường	6
37	Nậm Đích 1A	Huyện Tam Đường	9
38	Nậm Cha 1	Huyện Tân Uyên	5
39	Nậm Cha 2	Huyện Tân Uyên	12
40	Hồ So	Huyện Tân Uyên	5
41	Hố Mít 1	Huyện Tân Uyên	5
42	Nậm Khăn	Huyện Than Uyên	12,6
43	Nậm Mùa	Huyện Than Uyên	5
44	Thủy điện - thủy lợi Nậm Mỏ	Huyện Than Uyên	9
45	Nậm Voi	Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn	12
46	Nậm Khu Á	Huyện Mường Tè	6
47	Nậm Hản 1B	Huyện Mường Tè	5
48	Pa Vệ Sứ	Huyện Mường Tè	10
49	Nậm Cùm 5A	Huyện Mường Tè	10,5
50	Sông Đà	Huyện Mường Tè	70
51	Nậm Long	Huyện Nậm Nhùn	16
52	Nậm Bùm 1B	Huyện Nậm Nhùn	12
53	Nậm Ban 1A	Huyện Nậm Nhùn	10,5
54	Nậm Vạc	Huyện Nậm Nhùn	12
55	Nậm Hồ	Huyện Sìn Hồ	7
56	Nậm Cuối	Huyện Sìn Hồ	5
57	Tủa Sín Chải	Huyện Sìn Hồ	12
58	Phi Hồ	Huyện Sìn Hồ	7
59	Nậm Hái	Huyện Sìn Hồ	10
60	Lùng Thàng	Huyện Sìn Hồ, thành phố Lai Châu	25
61	Sìn Suối Hồ	Huyện Phong Thổ	5
62	Tả Nhì Thàng	Huyện Phong Thổ	6,5
63	Thèn Thầu	Huyện Phong Thổ	8
64	Tô Y Phìn	Huyện Phong Thổ	25
65	Mường So	Huyện Phong Thổ	13
66	Bản Bo	Huyện Tam Đường	6

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)
67	Bản Hon	Huyện Tam Đường	7
68	Nậm Dê	Huyện Tam Đường	26
69	Pá Khôn	Huyện Sìn Hồ, thành phố Lai Châu	22
70	Nậm Sô	Huyện Tân Uyên	5
71	Nậm Voi 1	Huyện Mường Tè	10
72	Hán Tủa Chử	Huyện Than Uyên	5
73	Nậm Mỏ 2A	Huyện Than Uyên	5
74	Nà Tỏ	Huyện Than Uyên	5
75	Phiêng Hoi	Huyện Tam Đường	8
76	Phìn Khò	Huyện Mường Tè	5
B	Thủy điện tích năng		1.700
1	Thủy điện tích năng Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ	400
2	Thủy điện tích năng Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	300
3	Thủy điện tích năng Mường Tè	Huyện Mường Tè	1.000
C	Điện gió		555
1	Điện gió Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	
2	Điện gió Than Uyên	H. Than Uyên	
3	Điện gió Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	
D	Điện mặt trời		550
1	Điện mặt trời Bản Chát 1	Huyện Than Uyên	
2	Điện mặt trời Bản Chát 2	Huyện Than Uyên	

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các dự án thủy điện đang vận hành, đang triển khai hoặc đã có trong quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chỉ được điều chỉnh quy mô, công suất khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định;

- Việc đầu tư các dự án thủy điện nhỏ phải được xem xét đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đời sống dân sinh, diện tích chiếm đất,...; phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước,... và các quy định khác có liên quan.

- Đối với các nguồn điện tiềm năng: Việc đầu tư các dự án nguồn điện tiềm năng chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan./.

B. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI, TRUYỀN TẢI**I. TRẠM BIẾN ÁP 500KV**

TT	Trạm biến áp 500 kV	Công suất dự kiến (MVA)
I	Xây dựng mới	
1	Trạm biến áp 500 kV Than Uyên	900
2	Trạm biến áp 500 kV thủy điện tích năng Mường Tè	1.200
II	Nâng cấp, cải tạo	
	Trạm biến áp Lai Châu	2.700

II. ĐƯỜNG DÂY 500KV

TT	Đường dây 500 kV	Chiều dài dự kiến (Km)
	Xây dựng mới	
1	NR Thủy điện tích năng Mường Tè (DZ 500kV Lai Châu - Sơn La)	2x30
2	Than Uyên - Lào Cai	2x70
3	Lai Châu - Than Uyên	2x130
4	Lai Châu - Điện Biên	2x52

III. TRẠM BIẾN ÁP 220KV

TT	Trạm biến áp 220 kV	Công suất dự kiến (MVA)
I	Xây dựng mới	
1	220kV Pắc Ma	750
2	220kV Phong Thổ	750
3	220kV Sìn Hồ	250
4	Điện mặt trời Bản Chát 1	375
5	Điện mặt trời Bản Chát 2	250
6	Điện gió Nậm Nhùn	375
7	Điện gió Than Uyên	250

TT	Trạm biến áp 220 kV	Công suất dự kiến (MVA)
8	Thủy điện tích năng Sìn Hồ	500
9	Thủy điện tích năng Nậm Nhùn	375
II	Nâng cấp, cải tạo	
1	AT3 220kV Mường Tè	750
2	AT3 220kV Than Uyên	750

IV. ĐƯỜNG DÂY 220KV

TT	Đường dây 220 kV	Chiều dài dự kiến (Km)
I	Xây dựng mới	
1	Mường Tè - Pắc Ma	36
2	Than Uyên - Phong Thổ	65
3	Mường Tè - Lai Châu	50
4	Lai Châu - Phong Thổ	60
5	Than Uyên - TBA 500kV Lào Cai	65
6	Nậm Ou 7 - Lai Châu	65
7	NR Sìn Hồ (DZ 500kV Lai Châu - Phong Thổ)	5
8	Mường Tè - Sìn Hồ	35
9	Điện Biên 1 - Lai Châu	52
10	Xuất tuyến 220kV đấu nối 500kV Than Uyên	5
11	NR Điện mặt trời Bản Chát 1 (DZ 220kV Bản Chát - Huội Quảng)	5
12	NR Điện mặt trời Bản Chát 2 (DZ 220kV Bản Chát - Huội Quảng)	5
13	NR Điện gió Nậm Nhùn (DZ 220kV Sìn Hồ - Lai Châu)	10

TT	Đường dây 220 kV	Chiều dài dự kiến (Km)
14	Điện gió Than Uyên - TBA 220kV Than Uyên	10
15	NR Thủy điện tích năng Sìn Hồ (DZ 220kV Phong Thổ - Sìn Hồ)	25
16	NR Thủy điện tích năng Nậm Nhùn (DZ 220kV Mường Tè - Lai Châu)	2

V. TRẠM BIẾN ÁP 110KV

TT	Trạm biến áp 110 kV	Công suất dự kiến (MVA)
A	Xây dựng mới	
I	Cung cấp điện	
1	110kV Mường Tè	2x25 (lắp trước T1 25MVA)
2	110kV Tam Đường	2x40 (lắp trước T1 40MVA)
3	110kV Sìn Hồ	2x25 (lắp trước T1 25MVA)
4	110kV Tân Uyên	2x25 (lắp trước T1 25MVA)
5	110kV Tam Đường 2	2x40 (lắp trước T1 40MVA)
II	Đấu nối điện gió	
	Điện gió Sìn Hồ	2x30
III	Đấu nối thủy điện	
1	Nậm Pì	1x14
2	Nậm Xe	1x40
3	Nậm Ngệ 1A	1x14
4	Nậm Páng 2	1x14

TT	Trạm biến áp 110 kV	Công suất dự kiến (MVA)
5	Phiêng Lúc	1x31
6	Hua Be	1x14
7	Hua Bun	1x14
8	Nậm Mít Luông	1x16
9	Phiêng Khon	1x28
10	Huổi Vãn	1x11
11	Nậm Cuối 1B	1x13
12	Nậm Cuối 1	27+24,5
13	Nậm Lụng mở rộng	45+28,5
14	Nậm Xí Lùng 2A	1x34
15	Nậm Bùm 2	1x36
16	Nậm Bùm 1	1x20
17	Nậm Bùm 1A	1x12,5
18	Pa Hạ	2x18
19	Nậm Cuối	1x16
20	Nậm Cùm 4	2x40
21	Nậm Cùm 2	1x30
22	Nậm Cùm 3	2x33
23	Nậm Cùm 5	1x14
24	Vàng Ma Chải 2	1x26
25	Vàng Ma Chải 3	1x28
26	Nậm Lăn	1x20
27	Nậm So 1	1x28
28	Nậm So 2	1x25

TT	Trạm biến áp 110 kV	Công suất dự kiến (MVA)
29	Tà Páo Hồ	1x25
30	Pa Vây Sứ 1	1x22
31	Pa Vây Sứ 2	1x25
32	Tả Páo Hồ 1A	1x30
33	Tả Páo Hồ 1B	1x15
34	Nùng Than 1	34+22
35	Phai Cát	1x25
36	Nậm Xí Lùng 1	33
37	Nậm Xí Lùng 2	1x34
38	Chu Va 2	1x35
39	Nậm Cầy	20+17
40	Nậm Cùm 1	2x21,5
41	Kho Hà	2x15
42	Hà Né	1x21
43	Khẻ Ló	1x21
44	Ma Nội	1x12
45	Thọ Gụ	21,5+35,5
46	Nậm Cùm 7	1x9
47	Kha Ú 2	1x21
48	Kha Ú 1	2x20
49	Nậm Hản 2	1x25
50	Nậm Hản 1	25+9
51	Nậm Cầu	45+25
52	Nậm Cầu 2	1x32

TT	Trạm biến áp 110 kV	Công suất dự kiến (MVA)
53	Nậm Sì Lường 3	1x30
54	Nậm Sì Lường 4	1x30
55	Pắc Ma	4x45
56	Pa Tàn 2	35+15,5
57	Mường Kim 3	1x25
58	Hua Chăng 2	1x10
59	Đông Pao	1x12,5
60	Van Hồ	1x15
61	Nậm Pạc 1	1x50
62	Nậm Pạc 2	1x25
63	Nậm Lụm 2	1x33
64	Nậm Luồng	30+28,5
65	Nậm Mở 1A	82
66	Nậm Mở 2	25
67	Nậm Ngà	2x25
68	Nậm Ma 1A	39+32
69	Nậm Ma 3	30+28
70	Bum Nua	2x18
71	Nậm Cừ 1	1x35
72	Suối Ngâm	1x33
73	Là Si 1	1x32,5
74	Là Pơ	1x32,5
75	Nậm Bon 1	1x14
76	Là Si 1A	40+26

TT	Trạm biến áp 110 kV	Công suất dự kiến (MVA)
77	Nậm Nhé 1	1x25
78	Nậm Chà 1	1x40
79	Nậm Chà 2	1x20
80	Nậm Be 2	1x30
81	An Hưng	1x14
82	Nhù Cả	1x20
83	Nậm Lăn 1	1x20
84	Mường Tè 2 (gom thủy điện)	1x63
85	Mít Luông	1x18
86	Tả Phìn	1x11,5
87	Kha Ú	12,5+15
88	Nậm Ma	1x48
89	Nậm Giê	1x18
90	Là Si 3	1x32,5
B	Nâng cấp, cải tạo	
	Cung cấp điện	
1	Lắp T2 TBA 110kV Lai Châu	25
2	NCS T1 TBA 110kV Than Uyên	25
3	NCS T1 TBA 110kV Mường So	25
4	NCS T2 TBA 110kV Mường So	40
5	Lắp T2 TBA 110kV Mường Tè	25
6	NCS T1 TBA 110kV Phong Thổ	25
7	NCS T2 TBA 110kV Phong Thổ	40

VI. ĐƯỜNG DÂY 110KV

TT	Đường dây 110 kV	Chiều dài dự kiến (Km)
A	XÂY DỰNG MỚI	
I	Cung cấp điện	
1	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Pắc Ma	2
2	220kV Pắc Ma - Nậm Cúm 4	5
3	TBA 220kV Phong Thổ - Phong Thổ - Mường So	0,1
4	TBA 220kV Phong Thổ - Phong Thổ - Nậm Ban	0,1
5	TBA 220kV Phong Thổ - Mường So - Nậm Na 1	1,7
6	TBA 220kV Phong Thổ - Nậm So 2	9
7	TBA 220kV Phong Thổ - Nậm So 2 -Mường So	2
8	TBA 220kV Mường Tè - TBA 110kV Mường Tè	8
9	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Sìn Hồ	3
10	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Sìn Hồ	7
11	NR TBA 110kV Tam Đường	3
12	NR TBA 110kV Sìn Hồ	10
13	NR TBA 110kV Tân Uyên	3
14	NR TBA 110kV Tam Đường 2	3
15	Nậm Ban - Mường Tè (Mạch 2)	50
16	Lai Châu - Nậm Pồ (Điện Biên)	40
II	Đầu nối điện gió	10
III	Đầu nối thủy điện	675
B	NÂNG CẤP, CẢI TẠO	
I	Cung cấp điện	153

TT	Đường dây 110 kV	Chiều dài dự kiến (Km)
1	Sa Pa - Than Uyên	68
2	Phong Thổ - Nậm Na 3 và các nhánh rẽ	80
3	TBA 110kV Than Uyên - TBA 220kV Than Uyên	5
II	Đầu nối thủy điện	3

VII. TRẠM BIẾN ÁP TRUNG ÁP

TT	Trạm biến áp trung áp	Số TBA/Tổng công suất (MVA)
I	Xây dựng mới	
1	Cung cấp điện	1.010/65,06
2	Đầu nối thủy điện	52/564
II	Cải tạo, nâng cấp	
	Cung cấp điện	500/102,63

VIII. ĐƯỜNG DÂY TRUNG ÁP

TT	Đường dây trung áp	Chiều dài dự kiến (Km)
I	Xây dựng mới	
1	Cung cấp điện	1.900
2	Đầu nối thủy điện	410
II	Cải tạo, nâng cấp	
	Cung cấp điện	1.000

IX. LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP

TT	Lưới điện hạ áp	Số TBA/Công suất; đường dây dự kiến (km)
I	Trạm biến áp	80/800

II	Đường dây	
1	Xây dựng mới	1.400
2	Nâng cấp, cải tạo	300

Ghi chú:

- Việc đầu tư các trạm biến áp và tuyến đường dây 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp, sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn điện và cấu hình lưới điện trong thực tế.

- Tiến độ, vị trí, quy mô của các đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn điện và cấu hình lưới điện trong thực tế. Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư./.

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI, CẤP NƯỚC TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

A. DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
I	Dự án nâng cấp cải tạo	
1	Hồ chứa để đảm bảo an toàn đập, gồm 4 hồ: Hoàng Hồ; Pa Khóa; Khu 9; hạ lưu thành phố Lai Châu	Các huyện Sìn Hồ, Than Uyên và thành phố Lai Châu
2	Đập dâng cải tạo, nâng cấp (583 đập)	Các huyện, thành phố
2.1	Đầu mối đập dâng điển hình để đảm bảo an toàn đập, gồm 8 đầu mối: Đập công trình thủy lợi Hồ Thầu; Đập công trình thủy lợi Thèn Pả; Đập công trình thủy lợi Nậm Ma Nội; Đập công trình thủy lợi Phai Cát; Đập công trình thủy lợi Nậm Há; Đập công trình thủy lợi Hua Chăng; Đập công trình thủy lợi Nậm Pe; Đập công trình thủy lợi Hua Cườm	Các huyện Tam Đường, Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ, huyện Tân Uyên
2.2	Đập dâng điển hình cấp nước cho các khu vực sản xuất tập trung, gồm 13 công trình thủy lợi: Nà Giang; Nậm Hang; Nà Tung; Bó Lun - Cốc Nhúng; Na Pu Đeng; Nậm Mạnh; Nà Phát - Sang Ngà; Nậm Mít; C23; Nậm Tàng - Nà Sắng; Chu Va 12.2; Nậm Pé; công trình thủy lợi Bản Giang	Các huyện: Phong Thổ, Tân Uyên, Mường Tè, Nậm Nhùn, Tam Đường
2.3	Công trình đập dâng kết hợp kiên cố hóa kênh mương theo Quyết định số 5206/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (85 công trình)	Các huyện, thành phố
2.4	Công trình thủy lợi đã xuống cấp, hư hỏng nặng, công trình bị phá hủy do thiên tai (477 công trình thủy lợi)	Các huyện, thành phố
II	Dự án đề xuất mới	
1	Hồ chứa, đập dâng cấp nước cho các khu vực sản xuất nông nghiệp hóa, tập trung (04 hồ)	

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
1.1	Hồ Giang Ma	Huyện Tam Đường
1.2	Hồ Phiêng Lú	Huyện Tân Uyên
1.3	Hồ Cấn Co	Huyện Sìn Hồ
1.4	Hồ Phăng Sô Lin	Huyện Sìn Hồ
2	Công trình thủy lợi theo Quyết định số 5206/QĐ-BNN-TCTL của Bộ Nông nghiệp và PTNT (7 công trình)	
2.1	Đập Chung Chải	Huyện Sìn Hồ
2.2	Đập Nậm Mạ Dao	Huyện Sìn Hồ
2.3	Đập Nậm Pồ	Huyện Mường Tè
2.4	Đập Cốc Pa	Huyện Tam Đường
2.5	Đập Ma Sao Phìn	Huyện Tam Đường
2.6	Đập Sam Sầu	Huyện Than Uyên
2.7	Đập Phìn Khò	Huyện Mường Tè
3	Các đập tưới dưới 40 ha (65 công trình)	Các huyện, thành phố
4	Các hồ treo	Các huyện Tam Đường, Than Uyên, Mường Tè

B. DANH MỤC CÁC NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m ³ /ngày đêm)	Địa điểm dự kiến
A	CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ		
I	Nhà máy nước hiện trạng giữ nguyên công suất		
1	Nhà máy nước Hua Nà	2.000 m ³ /ngày đêm	Xã Hua Nà, huyện Than Uyên
2	Nhà máy nước Mường Than	1.000 m ³ /ngày đêm	Xã Mường Than, huyện Than Uyên
3	Nhà máy nước Quyết Thắng	1.500 m ³ /ngày đêm	Phường Quyết Tiến, TP Lai Châu

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m³/ngày đêm)	Địa điểm dự kiến
4	Nhà máy nước Vàng Bó	2.000 m ³ /ngày đêm	Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ
5	Nhà máy nước khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	1.000 m ³ /ngày đêm	Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ
6	Nhà máy nước thị trấn Mường Tè	2.400 m ³ /ngày đêm	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè
7	Nhà máy nước thị trấn Tân Uyên	3.000 m ³ /ngày đêm	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên
II	Nhà máy nước hiện có cải tạo, nâng công suất		
1	Nhà máy nước thị trấn Tam Đường	2.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 1.000 m ³ /ngày đêm)	Huyện Tam Đường
2	Nhà máy nước Nùng Nàng	3.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 1.000 m ³ /ngày đêm)	Thành phố Lai Châu
3	Nhà máy nước Tà Lèng TP. Lai Châu	31.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 16.000 m ³ /ngày đêm)	Thành phố Lai Châu
4	Nhà máy nước thị trấn Phong Thổ	2.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 1.000 m ³ /ngày đêm)	Huyện Phong Thổ
5	Nhà máy nước thị trấn Sìn Hồ	3.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 1.000 m ³ /ngày đêm)	Huyện Sìn Hồ
6	Nhà máy nước thị trấn Nậm Nhùn	3.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 1.500 m ³ / ngày đêm)	Huyện Nậm Nhùn
III	Nhà máy nước xây mới		
1	Nhà máy nước số 2 thị trấn Tân Uyên	1.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Tân Uyên
2	Nhà máy nước đô thị Pắc Ta	1.100 m ³ /ngày đêm	Huyện Tân Uyên

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m³/ngày đêm)	Địa điểm dự kiến
3	Tuyến ống truyền tải từ trạm Mường Than về thị trấn Than Uyên	1.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Than Uyên
4	Nhà máy nước thị trấn Phúc Than	1.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Than Uyên
5	Hạ tầng cấp nước ở khu vực Sơn Bình, Bình Lư	3.850 m ³ /ngày đêm	Huyện Tam Đường
6	Nhà máy nước Ma Lò Thành	2.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Phong Thổ
7	Nhà máy nước Nậm Tăm	2.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Sìn Hồ
8	Nhà máy nước thị trấn Nậm Nhùn	3.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Nậm Nhùn
B	CẤP NƯỚC NÔNG THÔN		
	Các công trình cấp nước nông thôn được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đảm bảo tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 30% được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.		Các huyện, thành phố

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.

Phụ lục VIII

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH LAI
CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Các khu xử lý	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh, thành phố Lai Châu	Xã San Thàng, thành phố Lai Châu	Khoảng 15 - 20
2	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Tam Đường	Xã Bình Lư, huyện Tam Đường	Khoảng 5 - 7
3	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Phong Thổ	Xã Mường So, huyện Phong Thổ	Khoảng 5 - 7
4	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Than Uyên	Xã Mường Cang, huyện Than Uyên	Khoảng 7 - 9
5	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Tân Uyên	Xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	Khoảng 6 - 8
6	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Sìn Hồ	Xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ	Khoảng 7 - 10
7	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	Khoảng 5 - 7
8	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Mường Tè	Xã Bum Tở, huyện Mường Tè	Khoảng 5

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục IX

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC NGHĨA TRANG TỈNH LAI CHÂU

THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nghĩa trang	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	Nghĩa trang khu vực đô thị		
1	Nghĩa trang thành phố Lai Châu	Thành phố Lai Châu	Khoảng 34
2	Nghĩa trang huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường	Khoảng 70
3	Nghĩa trang huyện Than Uyên	Huyện Than Uyên	Khoảng 140
4	Nghĩa trang huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	Khoảng 49
5	Nghĩa trang huyện Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ	Khoảng 222
6	Nghĩa trang huyện Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	Khoảng 52
7	Nghĩa trang huyện Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	Khoảng 97
8	Nghĩa trang huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè	Khoảng 81
II	Nghĩa trang nông thôn Thực hiện theo chương trình nông thôn mới, mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 1 nghĩa trang tập trung với quy mô dự kiến khoảng 5 - 10 ha		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.

Phụ lục X

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ
CỨU NẠN CỨU HỘ TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên đơn vị	Địa điểm dự kiến
1	Trụ sở Đội cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ trung tâm	Phường Đông Phong, thành phố Lai châu
2	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ khu vực I	Phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu
3	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ khu vực II	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn
4	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên
5	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Mường Tè	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè
6	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên
7	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ
8	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Sìn Hồ	Thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ
9	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Tam Đường	Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường
10	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện Phong Thổ

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các Trụ sở Đội cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.

Phụ lục XI

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ
2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến (giường bệnh)
I	Công trình xây dựng mới		
1	Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Lai Châu	100
2	Trung tâm Sản nhi (tích hợp vào đầu tư xây dựng nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh)	Thành phố Lai Châu	100
3	Bệnh viện Nội tiết	Thành phố Lai Châu	100
4	Bệnh viện Tâm thần	Thành phố Lai Châu	50
5	Trung tâm Y tế huyện Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	100
6	Trung tâm Y tế thành phố	Thành phố Lai Châu	50
7	Trung tâm Y tế huyện Mường Tè (cơ sở 2)	Huyện Mường Tè	60
8	Trung tâm điều dưỡng kết hợp khám chữa bệnh Sìn Hồ (tư nhân)	Huyện Sìn Hồ	
II	Công trình nâng cấp cải tạo		
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thành phố Lai Châu	500
2	Trung tâm y tế huyện Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	100
3	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	120
4	Bệnh viện Đa khoa huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường	130
5	Bệnh xá Công an	Thành phố Lai Châu	50
6	Nhà y tế trại tạm giam (để đủ điều kiện công nhận bệnh xá)	Thành phố Lai Châu	5

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục XII

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021-2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cơ sở giáo dục	Địa điểm dự kiến	Số lượng tối thiểu
I	Trường trung học phổ thông		
1	Trường trung học phổ thông	Thành phố Lai Châu	4
2	Trường trung học phổ thông	Huyện Mường Tè	3
3	Trường trung học phổ thông	Huyện Nậm Nhùn	2
4	Trường trung học phổ thông	Huyện Sin Hồ	3
5	Trường trung học phổ thông	Huyện Phong Thổ	3
6	Trường trung học phổ thông	Huyện Tam Đường	2
7	Trường trung học phổ thông	Huyện Tân Uyên	2
8	Trường trung học phổ thông	Huyện Than Uyên	4
II	Trường trung học cơ sở		
1	Trường trung học cơ sở	Thành phố Lai Châu	8
2	Trường trung học cơ sở	Huyện Mường Tè	15
3	Trường trung học cơ sở	Huyện Nậm Nhùn	11
4	Trường trung học cơ sở	Huyện Sin Hồ	22
5	Trường trung học cơ sở	Huyện Phong Thổ	18
6	Trường trung học cơ sở	Huyện Tam Đường	13
7	Trường trung học cơ sở	Huyện Tân Uyên	11
8	Trường trung học cơ sở	Huyện Than Uyên	12
III	Trường tiểu học		
1	Trường tiểu học	Thành phố Lai Châu	10

TT	Tên cơ sở giáo dục	Địa điểm dự kiến	Số lượng tối thiểu
2	Trường tiểu học	Huyện Mường Tè	10
3	Trường tiểu học	Huyện Nậm Nhùn	9
4	Trường tiểu học	Huyện Sìn Hồ	16
5	Trường tiểu học	Huyện Phong Thổ	13
6	Trường tiểu học	Huyện Tam Đường	8
7	Trường tiểu học	Huyện Tân Uyên	10
8	Trường tiểu học	Huyện Than Uyên	11
IV	Trường Mầm non		
1	Trường Mầm non	Thành phố Lai Châu	22
2	Trường Mầm non	Huyện Mường Tè	14
3	Trường Mầm non	Huyện Nậm Nhùn	11
4	Trường Mầm non	Huyện Sìn Hồ	22
5	Trường Mầm non	Huyện Phong Thổ	20
6	Trường Mầm non	Huyện Tam Đường	16
7	Trường Mầm non	Huyện Tân Uyên	14
8	Trường Mầm non	Huyện Than Uyên	14
V	Trường liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông ngoài công lập		
	Trường liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông	Thành phố Lai Châu	1

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục XIII

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Trường Cao đẳng cộng đồng	Thành phố Lai Châu	4
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Lai Châu	Thành phố Lai Châu	1,5
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (ngoài công lập)	Thành phố Lai Châu	4
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (ngoài công lập)	Thành phố Lai Châu	2
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè	2
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	2
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ	2
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	2
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường	2
10	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (ngoài công lập)	Huyện Tam Đường	2
11	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (ngoài công lập)	Huyện Tam Đường	2
12	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	2
13	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Than Uyên	Huyện Than Uyên	2

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục XIV

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
A	Công trình văn hóa		
I	Di tích đề nghị công nhận Di tích quốc gia đặc biệt		
	Địa điểm lưu niệm Vua Lê Thái Tổ	Xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn	166,5
II	Di tích đề nghị công nhận Di tích cấp tỉnh		
1	Hang Tà Mung	Xã Tà Mung, huyện Than Uyên	10
2	Hang Thăm Đán Minh	Xã Tà Hừa, huyện Than Uyên	10
3	Hang Huổi Hiên	Xã Vàng San, huyện Mường Tè	10
4	Hang Pá Khớ	Xã Mường Tè, huyện Mường Tè	10
5	Hang Seo Lềng	Xã Phìn Hồ, huyện Sìn Hồ	10
6	Đường đá cở Pavi	Xã Sìn Suối Hồ, huyện Phong Thổ	100
7	Thác ba tầng	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	20
8	Nà Săng - Nơi thành lập Đội công an danh dự trừ gian	Xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên	2
9	Đỉnh núi Pú Dao	Xã Pú Dao, huyện Nậm Nhùn	1.500
10	Sâm Lai Châu gắn với đỉnh Pusilung	Xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	100
11	Đỉnh núi Bạch Mộc Lương Tử (3.046m)	Xã Sìn Suối Hồ, huyện Phong Thổ	1.000
12	Đỉnh núi Phàn Liên Sơn (3.012m)	Xã Pa Vây Sủ, huyện Phong Thổ	1.000
13	Đỉnh núi Tả Liên Sơn (2.996m)	Xã Tả Lềng, huyện Tam Đường	1.000

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
14	Đỉnh núi Pờ Ma Lung (2.967m)	Xã Bản Lang, huyện Phong Thổ	1.000
15	Ruộng bậc thang	Xã Tả Lèng, huyện Tam Đường	450
16	Ruộng bậc thang	Xã Đào San huyện Phong Thổ	100
B	Công trình thể thao		
1	Bảo tàng tỉnh	Thành phố Lai Châu	2
2	Bảo tàng Sâm Lai Châu	Huyện Sìn Hồ	5
3	Thư viện tỉnh	Thành phố Lai Châu	2
4	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Thành phố Lai Châu	2
5	Khu liên hợp thể thao tỉnh	Thành phố Lai Châu	18
6	Tượng đài và tranh hoành tráng	Thành phố Lai Châu	1
7	Tượng đài và tranh hoành tráng	Huyện Tân Uyên	1

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.

Phụ lục XV

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN AN SINH XÃ HỘI
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	Công trình nâng cấp cải tạo		
1	Trung tâm điều trị cai nghiện tỉnh số 1	Xã San Thàng, thành phố Lai Châu	0,5
2	Trung tâm dịch vụ việc làm	Phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu	0,5
3	Trung tâm Đón tiếp thân nhân liệt sỹ và Điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh Lai Châu	Phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu	0,5
4	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp của tỉnh	Xã San Thàng, thành phố Lai Châu	1,5
II	Công trình xây dựng mới		
1	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp	Xã San Thàng, thành phố Lai Châu	1,5
2	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	1,5
3	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp huyện Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	1,5
4	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh số 2	Tại trung tâm điều trị trước đây của tỉnh Lai Châu	0,5

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.

Phụ lục XVI

CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
I	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		906.873	100,00	906.873	100,00	0
1	Đất nông nghiệp	NNP	634.780	70,00	692.936	76,41	58.155
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	33.480	3,69	32.610	3,60	-870
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>7.116</i>	<i>0,78</i>	<i>6.717</i>	<i>0,74</i>	<i>-399</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	29.502	3,25	28.933	3,19	-569
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	262.925	28,99	268.450	29,60	5.525
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	41.275	4,55	41.275	4,55	0
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	213.651	23,56	279.670	30,84	66.019
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>179.227</i>	<i>19,76</i>	<i>178.772</i>	<i>19,71</i>	<i>-455</i>
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	35.631	3,93	50.497	5,57	14.866
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	286	0,03	674	0,07	388
2.2	Đất an ninh	CAN	67	0,01	94*	0,01	27
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	200	0,02	200
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	165	0,02	165
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	92	0,01	1.357	0,15	1.264
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	156	0,02	652	0,07	496
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	347	0,04	1.687	0,19	1.340
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	DHT	7.139	0,79	15.628	1,72	8.489
	<i>Trong đó:</i>						

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
-	Đất giao thông	DGT	5.159	0,57	8.969	0,99	3.810
-	Đất thủy lợi	DTL	478	0,05	893	0,10	415
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	56	0,01	149	0,02	93
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	58	0,01	70	0,01	12
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	415	0,05	572	0,06	157
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	28	0,00	250	0,03	222
-	Đất công trình năng lượng	DNL	910	0,10	4.197	0,46	3.287
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	8	0,00	12	0,00	4
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	3	0,00	3
2.10	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	17	0,00	90	0,01	73
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	32	0,00	100	0,01	68
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4	0,00	22	0,00	18
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	579	0,06	667	0,07	88
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	8	0,00	259	0,03	251
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.458	0,38	5.075	0,56	1.616
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	472	0,05	1.234	0,14	762
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	147	0,02	195	0,02	47
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	42	0,00	57	0,01	15
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	236.462	26,07	163.440	18,02	-73.022
II	KHU CHỨC NĂNG		-		-		-
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	-		-		-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2	Đất khu kinh tế	KKT	14.636		21.831		7.195
3	Đất đô thị	KDT	21.744		25.866		4.122
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	115.859		100.891		-14.968
5	Khu lâm nghiệp	KLN	517.851		589.395		71.544
6	Khu du lịch	KDL	-		22.870		22.870
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	41.275		41.275		-
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC	-		365		365
9	Khu đô thị	DTC	-		2.146		2.146
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	92		1.357		1.264
11	Khu dân cư nông thôn	DNT	15.040		16.850		1.810

Ghi chú:

* Theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ: Quy hoạch 159 vị trí đất với tổng diện tích là 126 ha.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

Phụ lục XVII**ĐỊNH HƯỚNG PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU****THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
I	Vùng bảo vệ nghiêm ngặt	
1	Tiểu vùng dân cư tập trung ở đô thị bao gồm	Thành phố Lai Châu hiện tại là đô thị loại III và đến sau năm 2030 có thêm Đô thị Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên
2	Tiểu vùng nước mặt	Lưu vực sông Nậm Na, Lưu vực sông Nậm Mu, Lưu vực sông Nậm Mạ và các sông suối khác như: Nậm Cúm, Nậm Phìn Hồ, Nậm Cây, Nậm So, Nậm Tăm, Nậm Ban, Nậm Cuối
3	Tiểu vùng - phân vùng lõi của vườn quốc gia	Vùng lõi của vườn quốc gia Hoàng Liên Sơn thuộc xã Mường Khoa huyện Than Uyên
4	Tiểu vùng - rừng đặc dụng	41.275,0 ha trên địa bàn huyện Tân Uyên và huyện Mường Tè
5	Tiểu vùng - rừng phòng hộ	262.812,83 ha trên địa bàn các huyện, thành phố: thành phố Lai Châu, các huyện Than Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, Phong Thổ và Mường Tè
6	Tiểu vùng khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa	47 điểm
II	Vùng hạn chế phát thải	
1	Tiểu vùng - vùng đệm của vườn quốc gia	Vùng đệm của vườn quốc gia Hoàng Liên Sơn 2, huyện Tam Đường và huyện Tân Uyên
2	Tiểu vùng - rừng sản xuất	Toàn bộ vùng quy hoạch rừng sản xuất 69.732,08 ha
3	Tiểu vùng - hành lang bảo vệ nguồn nước mặt	Các lưu vực sông Đà, sông Nậm Na, sông Nậm Mu và sông Nậm Mạ
4	Tiểu vùng - khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V	07 thị trấn của 07 huyện trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 2021 - 2025: đô thị loại IV thị trấn Tân Uyên; giai đoạn 2026 - 2030: các đô thị loại IV: Sìn Hồ, Tam Đường, Than Uyên, Phong Thổ; các đô thị loại V: Nậm Tăm (huyện Sìn Hồ), Ma Lù Thàng (huyện Phong Thổ), Phúc Than (huyện Than Uyên)
5	Tiểu vùng khu vực cao nguyên	Cao nguyên Sìn Hồ (huyện Sìn Hồ).

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
6	Tiểu vùng Khu vực động Tiên Sơn và thác Tác Tỉnh	Khu vực động Tiên Sơn và thác Tác Tỉnh (huyện Tam Đường)
7	Tiểu vùng Quần thể hang động Pu Sam Cáp	Quần thể hang động Pu Sam Cáp (thành phố Lai Châu).
8	Tiểu vùng Khu di tích bia và đền vua Lê Thái Tổ kết hợp lòng hồ Mường Lay, làng văn hóa du lịch Pú	Xã Pú Dao (huyện Nậm Nhùn)
9	Tiểu vùng Bản văn hóa du lịch Sin Suối Hồ	Sin Suối Hồ (huyện Phong Thổ)
10	Các tiểu vùng tại các điểm du lịch định hướng trở thành khu du lịch cấp tỉnh	27 điểm
11	Các tiểu vùng tại các điểm, khu du lịch phụ trợ	<p>Các khu du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng Nà Đon, Vàng Bó, Thống Nhất (Phong Thổ), Trung Đồng (Tân Uyên); các điểm: du lịch cộng đồng tại Bản văn hóa dân tộc Đào San, Vàng Pheo (Phong Thổ); du lịch nghỉ dưỡng và trải nghiệm văn hóa tại Pắc Ta (Tân Uyên); Điểm du lịch hang dơi Hua Bum (huyện Nậm Nhùn), khu bảo tồn thiên nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đà tại các xã Tà Tổng, Mù Cả, Ka Lăng và Thu Lũm (huyện Mường Tè), khám phá đỉnh núi Pu Si Lung, rừng nguyên sinh và khu vực trồng sâm Lai Châu và dược liệu khác (huyện Mường Tè), khám phá Di tích Hang Thẩm Tạo (huyện Phong Thổ); khu di tích lịch sử cách mạng Bản Lướt (huyện Than Uyên), Hang kháng chiến Nà Củng, Đồn Mường So, Di chỉ khảo cổ cấp quốc gia Di tích Nậm Tun thuộc xã Mường So huyện (Phong Thổ); Điểm du lịch khám phá, tâm linh tại khu vực Hòn Đá Trắng (huyện Mường Tè), Đền thờ Nàng Han (huyện Phong Thổ); Điểm du lịch lòng hồ thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng - Bản Chát; Điểm du lịch cộng đồng Lao Chải I, Lao Chải II xã Khun Há; Điểm du lịch cộng đồng, khám phá, ngắm cảnh, tâm linh khu vực Lao Tỷ Phụng, xã Nùng Nàng (huyện Tam Đường); Điểm du lịch sinh thái bản Tô Y Phìn của xã Lán Nhì Thàng; Khám phá vùng chè cổ trong khu rừng nguyên sinh, suối nước nóng của các xã Sỉ Lở Lầu, Mồ Sỉ San, Pa Vây Sứ; Trải nghiệm Phiên chợ vùng cao, ruộng bậc thang và mùa hoa Dã quỳ thuộc các xã Bản Lang, Lào San,</p>

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
		Mù Sang, Vàng Ma Chải, Sì Lở Lầu, khu Cửa khẩu Ma Lù Thàng (huyện Phong Thổ).
12	Tiểu vùng các vùng đất ngập nước quan trọng	Hồ chứa thủy điện Huội Quảng (huyện Than Uyên), hồ chứa thủy điện Bản Chát (huyện Than Uyên, huyện Tân Uyên), hồ chứa thủy điện Lai Châu (tại huyện Mường Tè, huyện Nậm Nhùn), hồ chứa thủy điện Sơn La (tại huyện Sin Hồ, huyện Nậm Nhùn).
13	Các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường cần được bảo vệ: Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đất trồng lúa 2 vụ.	

Phụ lục XVIII

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên khu bảo tồn	Vị trí	Quy mô dự kiến (ha)
	Khu bảo tồn cấp quốc gia (*)		
1	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	Huyện Tân Uyên	7.500
2	Khu bảo tồn thiên nhiên huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè	33.775

Ghi chú:

() Các khu bảo tồn cấp quốc gia thực hiện theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Loại khoáng sản	Tổng số các khu vực quy hoạch	Tổng diện tích dự kiến (ha)
1	Cát vật liệu xây dựng thông thường	39	83.189
2	Cát, sỏi vật liệu xây dựng thông thường	39	624
3	Chì kẽm	4	205
4	Đá phiến lợp	2	32
5	Đá vật liệu xây dựng thông thường	71	969
6	Đất hiếm	5	1.473
7	Đá vôi Dolomit	4	76
8	Đồng	5	508
9	Sắt	2	773
10	Sét vật liệu xây dựng thông thường	11	340
11	Vàng	9	4.039
12	Vật liệu san lấp	46	805
13	Đá xây dựng	1	7
14	Than đá	2	400
	Tổng cộng	240	93.442

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch, quy định khác có liên quan; bảo đảm không chồng lấn với khu vực khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép; thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) cho phù hợp với thực tiễn và các quy định có liên quan./.

Phụ lục XX

**PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG NGUỒN NƯỚC TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

Khu dùng nước	Chức năng nguồn nước				Mục đích sử dụng nước	
	Cung cấp nước	Điều hòa	Văn hóa xã hội	Hỗ trợ sinh thái	Hiện trạng	Kỳ quy hoạch
<i>Vùng I</i>		x			Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện	Nông nghiệp, sinh hoạt, thủy điện
Khu Nậm Là	x	x	x		Nông nghiệp, thủy điện	Nông nghiệp, thủy điện
Khu Nậm Ma	x				Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện	Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện
Khu Nậm Cúm	x	x	x	x	Nông nghiệp	Nông nghiệp, thủy điện
Khu ven sông Đà	x	x			Nông nghiệp	Nông nghiệp, thủy điện
<i>Vùng II</i>	x		x	x	Sinh hoạt, nông nghiệp	Sinh hoạt, nông nghiệp,
Khu Nậm Bùn	x		x	x	Giao thông thủy, thủy điện	Giao thông thủy, công nghiệp, thủy điện
Khu Nậm Nhọt	x	x		x	Nông nghiệp	Nông nghiệp, thủy điện
<i>Vùng III</i>	x			x	Nông nghiệp, thủy điện	Nông nghiệp, công nghiệp, thủy điện
Khu Nậm Cúm	x	x			Giao thông thủy, công nghiệp, thủy điện	Giao thông thủy, công nghiệp, thủy điện

Khu dùng nước	Chức năng nguồn nước				Mục đích sử dụng nước	
	Cung cấp nước	Điều hòa	Văn hóa xã hội	Hỗ trợ sinh thái	Hiện trạng	Kỳ quy hoạch
Khu Nậm So	x			x	Nông nghiệp, sinh hoạt	Sinh hoạt, nông nghiệp
Khu ven sông Nậm Na	x	x			Nông nghiệp	Nông nghiệp
Khu ven sông Đà	x			x		Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện
<i>Vùng IV</i>	x	x	x		Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện	Sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, thủy điện
Khu Nậm Mạ	x	x		x	Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện	Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện
<i>Vùng V</i>	x			x	Công nghiệp, nông nghiệp giao thông thủy	Công nghiệp, nông nghiệp giao thông thủy
Khu thượng Nậm Mu	x	x	x		Nông nghiệp	Công nghiệp, nông nghiệp, không phát triển thủy điện
Khu Nậm Mít	x	x			Nông nghiệp	Nông nghiệp, sinh hoạt
Khu Bản Chát	x	x		x	Nông nghiệp, sinh hoạt	Nông nghiệp, sinh hoạt
Khu Nậm Kim	x	x		x	Nông nghiệp	Nông nghiệp, sinh hoạt

Phụ lục XXI

**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
I	DU LỊCH	
1	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị sinh thái Pu Sam Cáp	Thành phố Lai Châu
2	Quần thể khu du lịch chinh phục đỉnh Putaleng	Xã Hồ Thầu và thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường
3	Khu du lịch sinh thái Sin Suối Hồ gắn với đỉnh Bạch Mộc Lương Tử, Sơn Bạc Mây	Huyện Phong Thổ
4	Khu du lịch sinh thái cao nguyên Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ
5	Khu quần thể du lịch Pu Sam Cáp thành phố Lai Châu và huyện Tam Đường	Xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu
6	Khu vui chơi giải trí tổng hợp tại thành phố Lai Châu kết hợp bản văn hóa du lịch bản Hôn	Thành phố Lai Châu
7	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn tại huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên
8	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn tại huyện Tam Đường	Xã Hồ Thầu và Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường
9	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn tại thành phố Lai Châu (thuộc quần thể khu du lịch hang động Pu Sam Cáp)	Xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu
10	Quần thể du lịch đèo Hoàng Liên tại huyện Tam Đường và huyện Tân Uyên gắn với du lịch sinh thái hang động Tiên Sơn (Tam Đường)	Huyện Tam Đường, huyện Tân Uyên
11	Khu du lịch gắn với bản văn hóa cộng đồng tại xã Khun Há	Huyện Tam Đường huyện Tân Uyên
12	Du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Lai Châu	Huyện Nậm Nhùn
13	Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ thương mại Vườn địa đàng Sơn Bình	Huyện Tam Đường

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
14	Khu du lịch sinh thái Pú Đao kết hợp du lịch lòng hồ thủy điện	Huyện Nậm Nhùn
15	Khu du lịch lòng hồ thủy điện Huổi Quảng gắn với quần thể hang động Bản Mè	Huyện Than Uyên
16	Khu du lịch lòng hồ thủy điện Bản Chát	Huyện Than Uyên
17	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái văn hóa gắn với suối nước nóng Phiêng Phát	Huyện Tân Uyên
18	Khu du lịch sinh thái gắn với suối nước nóng Nà Hoi	Huyện Tân Uyên
19	Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng tại huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường
20	Công viên hoa hồng	Huyện Tam Đường
21	Khu du lịch sinh thái đỉnh Pu Si Lung	Huyện Mường Tè
22	Khu du lịch nghỉ dưỡng tắm nước nóng khoáng Mường Khoa	Huyện Tân Uyên
23	Khu du lịch sinh thái vùng chè gắn với suối khoáng nóng Trung Đồng (Tân Uyên)	Xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên
24	Điểm du lịch suối nước nóng Nậm Ngoa (Pắc Ma)	Huyện Mường Tè
25	Khu du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa dân tộc Mông, bảo tồn chè cổ thụ và nuôi cá nước lạnh	Bản Hô Tra, xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên
26	Khu du lịch đèo Khau Co	Xã Phúc Than, huyện Than Uyên
27	Bản du lịch cộng đồng	Xã Tà Mung, huyện Than Uyên
28	Khu tổ hợp thương mại, dịch vụ và khách sạn huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên
29	Tổ hợp nhà hàng dịch vụ, bến bãi, kho hàng hóa khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Huyện Phong Thổ
30	Đề án xây dựng Công viên Địa chất	Bạch Mộc Lương Tử, Pu Ta Leng, Fansipang
II	THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ	
1	Cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng thương mại, giao thông, hạ tầng phục vụ xuất nhập khẩu, xây dựng cửa hàng miễn thuế tại Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
2	Khu đầu mối mở rộng Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Khu mở rộng kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng
3	01 Trung tâm hội chợ, triển lãm	Thành phố Lai Châu
4	Các trạm trung chuyển hàng hóa và kho vận	Các huyện Than Uyên, huyện Phong Thổ
5	Cải tạo, đầu tư mới các chợ từ nguồn ngân sách nhà nước	Huyện Mường Tè (08), huyện Sìn Hồ (09), huyện Phong Thổ (10), Huyện Tân Uyên (01), Huyện Than Uyên (06), Huyện Tam Đường (02), Huyện Nậm Nhùn (05)
6	Đầu tư mới các chợ từ ngân sách xã hội hóa	Thành phố Lai Châu (02), Huyện Than Uyên (1)
7	Đầu tư mới hệ thống siêu thị	Thành phố Lai Châu (05), huyện Mường Tè (02), huyện Phong Thổ (02), huyện Tam Đường (01), huyện Tân Uyên (01), huyện Than Uyên (01), huyện Sìn Hồ (01), huyện Nậm Nhùn (01)
8	Cải tạo, đầu tư mới hệ thống trung tâm hội chợ, triển lãm, trưng bày sản phẩm, cửa hàng miễn thuế	Thành phố Lai Châu (02), huyện Phong Thổ (02), huyện Sìn Hồ (01)
III	CÔNG NGHIỆP, TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP	
	CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG (ĐIỆN)	
1	Đầu tư xây dựng và khai thác điện gió	Các huyện Than Uyên, Nậm Nhùn, Mường Tè
2	Đầu tư xây dựng mới các nhà máy thủy điện nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Các huyện trên địa bàn
3	Đầu tư các thủy điện tích năng	Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ
4	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường dây và trạm biến áp 220 kV	Các huyện, thành phố
5	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường dây và trạm biến áp 110 kV	Các huyện, thành phố

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
6	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường dây và trạm biến áp 35 kV	Các huyện, thành phố
7	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện hạ áp 0,4 kV	Các huyện, thành phố
	KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP	
8	Khu công nghiệp Mường So	Xã Mường So, huyện Phong Thổ
9	Cụm công nghiệp Than Uyên	Xã Phúc Than, huyện Than Uyên
10	Cụm công nghiệp Tân Uyên	Xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên
11	Cụm công nghiệp Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn
12	Cụm công nghiệp Mường Tè	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè
	CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN	
13	Xây dựng nhà máy chế biến mắc ca	Các huyện trên địa bàn
14	Xây dựng nhà máy chế biến hoa quả	Các huyện Phong Thổ, Than Uyên
15	Xây dựng nhà máy chế biến chè	Các huyện Phong Thổ, Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên, Sin Hồ
16	Xây dựng nhà máy chế biến dược liệu	Các huyện Sin Hồ, Mường Tè, Phong Thổ, Tam Đường
17	Xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ quế	Các huyện Than Uyên, Nậm Nhùn, Mường Tè
18	Xây dựng nhà máy chế biến tinh dầu quế	Các huyện Tân Uyên, Mường Tè
19	Xây dựng nhà máy chế biến gừng, nghệ	Các huyện Phong Thổ
20	Xây dựng nhà máy chế biến chuối	Các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Tân Uyên
21	Xây dựng nhà máy chế biến chanh leo	Huyện Tam Đường
22	Xây dựng nhà máy chế biến chanh leo và các loại rau củ quả phục vụ xuất khẩu	Huyện Than Uyên

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
23	Xây dựng nhà máy sản xuất phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi	Các huyện Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên, Nậm Nhùn
24	Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi	Các huyện Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên, Tam Đường, Nậm Nhùn, Thành phố Lai Châu
25	Xây dựng nhà máy sản xuất phân bón	Các huyện Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên, Nậm Nhùn
26	Xây dựng nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất	Các huyện Tân Uyên, Than Uyên, Mường Tè
27	Xây dựng nhà máy chế biến chè	Các huyện Tam Đường, Phong Thổ
28	Xây dựng 3 nhà máy chế biến lâm sản: trong đó 2 nhà máy chế biến gỗ (chế biến gỗ, ván dăm, ván thanh, ván sợi MDF)	Các huyện Tam Đường, Tân Uyên
29	Xây dựng nhà máy chế biến cao su	Xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn
30	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc tập trung	Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu
31	Xây dựng nhà máy chế biến thủy sản từ các loại cá nuôi trong lồng	Các huyện Than Uyên và Nậm Nhùn
32	Xây dựng nhà máy chế biến các loại cá nước lạnh (cá hồi, cá tầm)	Các huyện Tam Đường và Sìn Hồ
33	Xây dựng nhà máy chế biến gạo	Các huyện Than Uyên, Phong Thổ và thành phố Lai Châu
34	Xây dựng nhà máy chế biến rau, hoa quả	Các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Than Uyên, Tân Uyên, Sìn Hồ
CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN		
35	Khai thác, chế biến mỏ đất hiếm Đông Pao	Huyện Tam Đường
36	Khai thác, chế biến đất hiếm Nam và Bắc Nậm Xe	Huyện Phong Thổ
37	Thăm dò, khai thác đất hiếm Thèn Thầu	Huyện Phong Thổ

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
38	Sản xuất các sản phẩm có nguyên liệu đầu vào là đất hiếm	Huyện Phong Thổ
39	Thăm dò, khai thác đối với các thân khoáng Barit, Fluorit độc lập không đi kèm với đất hiếm.	Huyện Tam Đường
40	Khai thác, chế biến các mỏ vàng	Huyện Tam Đường, Sìn Hồ, Mường Tè, Nậm Nhùn
41	Khai thác quặng các mỏ sắt, đồng, chì, kẽm	Huyện Sìn Hồ, Mường Tè, Tam Đường
42	Khai thác và chế biến đá phiến lợp, đá trắng (dolomit) làm vật liệu xây dựng	Huyện Nậm Nhùn, Phong Thổ
43	Khai thác nguồn nước khoáng	Huyện Mường Tè, Phong Thổ, Tân Uyên
44	Khai thác các mỏ đất, đá làm vật liệu thông thường	Các huyện, thành phố
45	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
46	Đầu tư hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát quản lý hoạt động khai thác khoáng sản	Toàn tỉnh
	CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG	
47	Xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung	Các huyện Sìn Hồ, Mường Tè, Nậm Nhùn, Tam Đường, Sìn Hồ, Than Uyên
48	Xây dựng nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn tập trung	Trung tâm các huyện thị, các công trình lớn
49	Đầu tư phát triển cơ sở sản xuất cát nghiền	Các huyện Phong Thổ, Nậm Nhùn, Mường Tè, Than Uyên, Tân Uyên
IV	NGÀNH NÔNG NGHIỆP	
	Trồng trọt, chăn nuôi	
1	Khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ	Các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ
2	Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, hoa, quả	Các huyện Tân Uyên, Than Uyên, Tam Đường, Phong Thổ và thành phố Lai Châu

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
3	Trồng và phát triển cây dược liệu	Các huyện Tam Đường, Mường Tè, Sìn Hồ, Phong Thổ, Tân Uyên, Nậm Nhùn
4	Sản xuất giống, phát triển trồng và chế biến sâm Lai Châu	Các huyện Phong Thổ, Tam Đường, Sìn Hồ, Mường Tè
5	Phát triển vùng chuyên canh rau, củ quả	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Phong Thổ và thành phố Lai Châu
6	Phát triển cây ăn quả	Các huyện, thành phố
7	Phát triển vùng gạo đặc sản, chất lượng	Các huyện Than Uyên, Tam Đường, Tân Uyên, Phong Thổ và thành phố Lai Châu
8	Phát triển vùng chuyên canh mía	Các Huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Tam Đường, Nậm Nhùn, Tân Uyên
9	Phát triển trồng, tiêu thụ chuối tây xuất khẩu	Huyện Tân Uyên.
10	Phát triển vùng sản xuất dừa tập trung	Các huyện Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Than Uyên.
11	Phát triển vùng nguyên liệu hoa quả gắn với nhà máy chế biến	Huyện Phong Thổ
12	Phát triển vùng hoa địa lan	Các huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Tam Đường, Tân Uyên
13	Phát triển vùng chuyên canh gừng nghệ	Các huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè
14	Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung	Huyện Than Uyên, Tân Uyên, Sìn Hồ, Phong Thổ, Nậm Nhùn, thành phố Lai Châu, Tam Đường, Mường Tè
15	Phát triển nuôi ong mật	Huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Thành phố Lai Châu, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè
16	Đầu tư xây dựng 05 trạm kiểm dịch động vật	Đầu mối giao thông đường bộ thuộc địa bàn các huyện Tam Đường, Than Uyên,

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
		Nậm Nhùn, thành phố Lai Châu và khu vực cửa khẩu Ma Lù Thàng - Phong Thổ
17	Phát triển nuôi cá lồng trên lồng hồ thủy điện	Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Tân Uyên, Than Uyên
18	Trang trại nuôi cá nước lạnh	Các huyện Tam Đường, Tân Uyên, Sìn Hồ, Phong Thổ, Mường Tè
	Lâm nghiệp	
19	Mở mới, sửa chữa, nâng cấp đường lâm nghiệp, tạo cơ sở hạ tầng phục vụ vùng trồng rừng sản xuất	Các huyện trên địa bàn
20	Khoanh nuôi chuyển tiếp	Các huyện Tân Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, Mường Tè và thành phố Lai Châu
21	Khoanh nuôi mới	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè
22	Trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Các huyện Tân Uyên, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè
23	Trồng cây phân tán	Các huyện, thành phố
24	Trồng cây mắc ca	Các huyện Tam Đường, Than Uyên, Tân Uyên, Nậm Nhùn, Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ
25	Trồng rừng quế gắn với vùng nguyên liệu tập trung	Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Tân Uyên
26	Trồng rừng sản xuất gắn với chế biến lâm sản	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè, Phong Thổ
27	Trồng và chế biến các sản phẩm từ cây tre	Các huyện Phong Thổ, Nậm Nhùn, Mường Tè
28	Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng	Toàn tỉnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
29	Thành lập khu rừng đặc dụng huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè
30	Cắm mốc phân định ranh giới rừng trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
31	Điều tra xác định trữ lượng các loại rừng để xây dựng hệ số chi trả phục vụ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
32	Điều tra, đánh giá khả năng hấp thụ cacbon các loại rừng trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
33	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến lâm sản	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Sìn Hồ, Mường Tè
34	Điều tra, điều chỉnh ranh giới các loại rừng tỉnh Lai Châu	Toàn tỉnh
35	Phân định cắm mốc ranh giới rừng; giao đất rừng gắn với giao rừng và xây dựng chứng chỉ quản lý rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì
V	PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN, XÂY DỰNG	
1	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng các khu tái định cư, sắp xếp lại dân cư nông thôn, di dời dân cư vùng có nguy cơ sạt lở	Các huyện, thành phố
2	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Thành phố Lai Châu
3	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Sìn Hồ
4	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Than Uyên
5	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Mường Tè
6	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Nậm Nhùn
7	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Tân Uyên
8	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Phong Thổ
9	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Tam Đường

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
VI	HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY	
1	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng cháy, chữa cháy tại thành phố Lai Châu, trung tâm các huyện, thành phố	Các huyện, thành phố
2	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng, chống cháy rừng	Các huyện, thành phố
3	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng cháy, chữa cháy tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn	Các khu, cụm công nghiệp
VII	KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG	
1	Sân bay Lai Châu	Huyện Tân Uyên
2	Đường nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, thành phố Lai Châu
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ: 4H, 4D, 12, 32, 279D, 279	Các huyện, thành phố
4	Cải tạo, nâng cấp đoạn Pắc Ma - Thu Lũm - U Ma Tu Khoong (chuyển thành QL. 4H3)	Huyện Mường Tè
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến tỉnh lộ: 127, 128, 129, 129B, 130, 132, 133, 135	Các huyện, thành phố
6	Đường Tây Sông Đà (Nậm Khao - Tà Tổng - Cao Chải - Nậm Ngà - Tắc Ngá - Nậm Chà - Huổi Lỉnh - Nậm Nhùn dự kiến ĐT.126)	Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn
7	Nâng cấp đường Noong Hẻo - Cấn Co - Nậm Cuối - Nậm Hăn - Tủa Chùa (Điện Biên) bao gồm 01 cầu lớn qua lòng hồ thủy điện Sơn La, (chuyển thành ĐT.138)	Huyện Sìn Hồ
8	Đường Nậm Sỏ - Tà Mít (chuyển thành ĐT.133B)	Huyện Tân Uyên
9	Đường Khun Há - Phúc Khoa - Mường Khoa (chuyển thành ĐT.136)	Các huyện Tam Đường, Tân Uyên
10	Hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên	Huyện Tam Đường
11	Hầm đường bộ qua đèo Khau Co và các tuyến kết nối	Huyện Than Uyên

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
12	Xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường tuần tra biên giới	Khu vực giáp biên giới các huyện Mường Tè, Phong Thổ
13	Nâng cấp, sửa chữa, xây mới hệ thống đường ra biên giới	Các huyện Mường Tè, Phong Thổ
14	Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ tỉnh Lai Châu	Thành phố Lai Châu
15	Bến xe khách các huyện, thành phố, cửa khẩu Ma Lù Thàng	Các huyện, thành phố, cửa khẩu Ma Lù Thàng
16	Nâng cấp đoạn tuyến từ Nút Bảo Hà - Than Uyên - Tân Uyên - Tam Đường - Thành phố Lai Châu - Phong Thổ - Cửa khẩu Ma Lù Thàng	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Phong Thổ và thành phố Lai Châu
17	Đầu tư mới và nâng cấp Đường liên vùng, kết nối từ Tỉnh lộ 130 - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng	Huyện Phong Thổ
18	Đầu tư mới và nâng cấp Đường giao thông liên vùng từ bản Hoàng Hồ - bản Nậm Lúc xã Phăng Xô Lin đến xã Lùng Thàng, huyện Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ
19	Nâng cấp tuyến đường Phìn Hồ - Ma Quai - Lùng Thàng, thị trấn Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ
20	Đầu tư mới Đường liên vùng Pa Ủ - Bum Tở - Pa Vệ Sừ	Huyện Mường Tè
21	Xây dựng Cầu treo Bản Chang, kết nối đường tỉnh lộ 127 với khu đồi cao, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	Huyện Nậm Nhùn
22	Bến xe mới huyện Than Uyên	Huyện Than Uyên
22	Bến xe huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên
23	Đầu tư các cảng, bến thủy nội địa	Toàn bộ tỉnh
VIII	THỦY LỢI, CẤP, THOÁT NƯỚC	
1	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	Thành phố Lai Châu
2	Hồ Giang Ma	Huyện Tam Đường
3	Hồ Phiêng Lúc	Huyện Tân Uyên
4	Hồ Cẩn Co	Huyện Sìn Hồ
5	Hồ Phăng Xô Lin	Huyện Sìn Hồ

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
6	Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng	Các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè
7	Xây dựng các công trình cấp, trữ nước	huyện Mường Tè
8	Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng các hồ, đập, công trình thủy lợi	Các huyện
9	Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho vùng sản xuất hoa, rau màu, cây trồng vùng dốc	Huyện Tân Uyên
10	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp nhà máy cấp nước cho khu vực thị trấn, thị tứ	Các huyện, thành phố
11	Nâng cấp, mở rộng hệ thống đường ống cấp nước cho khu vực thị trấn, thị tứ và thành phố Lai Châu	Các huyện, thành phố
IX	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới trường, lớp học trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố
2	Đầu tư mua sắm trang, thiết bị phục vụ đổi mới giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố
X	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
1	Trung tâm nghiên cứu giống và cây trồng cấp vùng	
2	Các chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ phát triển	Các Sở/Ngành/Huyện/Thành Phố
3	Phát triển mỗi xã một sản phẩm OCOP	Các xã
4	Xây dựng chỉ dẫn địa lý vùng trồng, vùng nuôi cho các sản phẩm nông, lâm nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
XI	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu	Bệnh viện Đa khoa tỉnh
2	Xây dựng Bệnh viện Sản nhi	Bệnh viện Đa khoa tỉnh
3	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Lai Châu
4	Xây dựng Bệnh viện Tâm thần	Thành phố Lai Châu
5	Xây dựng Bệnh viện Nội tiết	Thành phố Lai Châu
6	Xây dựng Phòng khám đa khoa khu vực Mường Tè	Huyện Mường Tè

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
7	Xây dựng Phòng khám đa khoa khu vực Đào San - huyện Phong Thổ	Huyện Phong Thổ
XII	BUƯ CHÍNH, VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	
1	Xây dựng nền tảng dữ liệu, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh Lai Châu	Tỉnh Lai Châu
2	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hạ tầng mạng di động 5G, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông	Tỉnh Lai Châu
3	Xây dựng đô thị thông minh tỉnh Lai Châu và các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số	Tỉnh Lai Châu
4	Hình thành các điểm bưu chính logistics phục vụ kinh tế nông thôn	Toàn tỉnh
5	Xây dựng trung tâm lưu trữ điện tử và giám sát an ninh mạng tỉnh Lai Châu (đảm bảo an toàn an ninh thông tin theo mô hình 4 lớp)	Tỉnh Lai Châu
6	Chuyển đổi số hệ thống thông tin cơ sở; an toàn thông tin	Tỉnh Lai Châu
XIII	VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO	
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Lai Châu	Thành phố Lai Châu
2	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Thành phố Lai Châu
3	Bảo tàng tỉnh	Thành phố Lai Châu
4	Bảo tàng sâm Lai Châu	Huyện Sin Hồ
5	Thư viện tỉnh	Thành phố Lai Châu
6	Cung văn hóa thanh, thiếu niên	Các huyện Mường Tè, Sin Hồ, Phong Thổ
7	Trung tâm văn hóa thể thao huyện	Các huyện Nậm Nhùn, Sin Hồ, Tam Đường, Than Uyên
8	Đầu tư bảo tồn, phát huy bản sắc tốt đẹp các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Các huyện, thành phố
XIV	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
1	Nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải rắn tại các huyện	Các huyện
2	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho thành phố Lai Châu và trung tâm các huyện	Các huyện và thành phố

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
3	Nâng cấp trang thiết bị cho Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	
4	Đầu tư hệ thống quan trắc nước sông xuyên biên giới tự động	Các huyện Phong Thổ, Mường Tè
5	Đầu tư hệ thống quan trắc môi trường không khí	Thành phố Lai Châu
6	Đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn tại thành phố Lai Châu	Thành phố Lai Châu
7	Đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Lai Châu (giai đoạn II)	Thành phố Lai Châu
8	Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường
XV	BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC	
	Điều tra, nghiên cứu về đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
XVI	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kè bảo vệ khu dân cư, công trình xây dựng, kè bờ sông, suối, bảo vệ biên giới	Các huyện, thành phố
2	Sắp xếp dân cư vùng nguy cơ sạt lở	Các huyện, thành phố
3	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ, cảnh báo thiên tai, mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất	
XVII	TÀI NGUYÊN NƯỚC	
1	Xây dựng và duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước tỉnh Lai Châu	Toàn tỉnh
2	Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tự động trực tuyến các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Toàn tỉnh
3	Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước tỉnh Lai Châu	Toàn tỉnh
4	Xây dựng và tổ chức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước đối với nguồn nước nội tỉnh; xây dựng báo cáo tài nguyên nước	Toàn tỉnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
5	Điều tra, khoanh định vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất	Toàn tỉnh
6	Điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:100.000 trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
7	Điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000 đến 1:25.000 đối với nguồn nước nội tỉnh	Toàn tỉnh
8	Đánh giá, xác định, cập nhật định kỳ các đặc trưng cơ bản tài nguyên nước mặt.	Toàn tỉnh
9	Điều tra, đánh giá, xác định và công bố dòng chảy tối thiểu; khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải.	Toàn tỉnh
10	Lập danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước và thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước được duyệt	Toàn tỉnh
XVIII	HOÀN THIỆN KẾT CẤU HẠ TẦNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, CHÍNH TRỊ- XÃ HỘI	
1	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà công vụ của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh	Thành phố Lai Châu
2	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà công vụ của các cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện	Các huyện, thành phố
3	Xây mới, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà công vụ của các cơ quan quản lý nhà nước cấp xã, phường, thị trấn	Các huyện, thành phố
4	Xây mới, cải tạo, nâng cấp, sắp xếp lại hoạt động của nhà khách tại cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị	Các huyện, thành phố

Ghi chú:

1. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

2. Các công trình, dự án đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quy hoạch cấp quốc gia và Quy hoạch vùng được phê duyệt.

3. Đối với các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có): Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu rà soát, cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án; đối với các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án: chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành./.

Phụ lục XXII

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH LAI CHÂU

THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
2	Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
3	Bản đồ định hướng quy hoạch kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
4	Bản đồ định hướng quy hoạch kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
5	Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
6	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
7	Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
8	Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000